



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM
MEKOPHAR

Luôn luôn vì sức khỏe của bạn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



Trụ sở chính: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, Tp.HCM

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. THÔNG TIN CHUNG..... | 3 |
| 1. Thông tin khái quát | 3 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển..... | 4 |
| 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 5 |
| 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..... | 6 |
| 5. Định hướng phát triển | 7 |
| 6. Rủi ro..... | 7 |
| II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM..... | 11 |
| 1. Đặc điểm tình hình chung | 11 |
| 2. Tình hình hoạt động của nhà máy | 11 |
| 3. Tình hình hoạt động của ngân hàng tế bào gốc MKS | 13 |
| 4. Phương hướng hoạt động năm 2026 | 14 |
| III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 16 |
| 1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh năm 2025: | 16 |
| 2. Kết quả thực hiện: | 16 |
| 3. Phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2025-2030:..... | 19 |
| IV. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 21 |
| 1. Hoạt động Quản trị Điều hành trong Hội đồng quản trị : | 21 |
| 2. Công tác Giám sát Ban điều hành : | 22 |
| 3. Báo cáo chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát năm 2025 | 24 |
| 4. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026 | 24 |
| V. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT: | 26 |
| 1. Hoạt động của Ban Kiểm Soát: | 26 |
| 2. Kết quả thực hiện Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2025..... | 26 |
| 3. Kết quả Thăm tra Báo cáo Tài chính 31/12/2025: | 28 |
| 4. Kết quả Giám sát đối với HĐQT, Tổng GD và Các Cán Bộ Quản lý khác:..... | 34 |
| 5. Báo cáo Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban KS, Giám đốc và Cổ đông:..... | 35 |
| 6. Nhận xét và Kiến nghị :..... | 35 |
| VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:..... | 36 |
| 1. Ý kiến kiểm toán: | 36 |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: | 36 |
| Phụ lục 1: Bảng cân đối kế toán | 37 |
| Phụ lục 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..... | 41 |
| Phụ lục 3: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 42 |
| Phụ lục 4: Thuyết minh báo cáo tài chính | 44 |

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin khái quát****CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

| | |
|----------------------------|--|
| Tên viết tắt: | MEKOPHAR |
| Tên tiếng Anh: | Mekophar Chemical Pharmaceutical Joint-Stock Company |
| Giấy CNĐKKD số: | 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 08/02/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 07 năm 2025. |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 255.458.670.000 đồng. |
| Trụ sở chính: | 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, Tp.HCM. |
| Điện thoại: | [84-28] 3 8650258 - 3 8650436 |
| Email: | info@mekophar.com |
| Website: | www.mekophar.com |
| Mã cổ phiếu: | MKP |



2. Quá trình hình thành và phát triển

| | | | |
|----------------|---|----------------|---|
| 1975 | Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar được thành lập với tên gọi là Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24, là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam. | 1985 | Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24 sáp nhập với Xí nghiệp dược phẩm TW 22, đổi tên thành Xí nghiệp Dược phẩm TW 24 – Mekophar. |
| 1992 | Xí nghiệp Dược phẩm TW 24 - Mekophar thành lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Mekong. | 1993 | Xí nghiệp liên doanh với Công ty Woopyung - Hàn Quốc thành lập Công ty Liên doanh Woopyung - Mekophar, sản xuất nguyên liệu kháng sinh bán tổng hợp như Amoxicilin, Ampicilin. |
| 2000 | Xí nghiệp dược phẩm TW 24 mua lại toàn bộ phần vốn của đối tác liên doanh và Công ty Liên doanh Woopyung - Mekophar trở thành phân xưởng sản xuất kháng sinh của Xí nghiệp. | 2001 | Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24 chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar. Vốn điều lệ ban đầu của công ty là 36 tỷ đồng. |
| 03/2003 | Công ty CP Dược phẩm Dược liệu Mekong sáp nhập lại với Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar. | 04/2003 | Góp vốn xây dựng bệnh viện đa khoa An Sinh và Bệnh viện đi vào hoạt động ngày 07/05/2006. |
| 03/2006 | Công ty tăng vốn điều lệ lên 54 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thường, nguồn sử dụng cho việc tăng vốn lấy từ lợi nhuận giữ lại của công ty. | 12/2006 | Công ty tăng vốn điều lệ lên 84 tỷ đồng thông qua đợt chào bán 3 triệu cổ phiếu ra công chúng |
| 2008 | Tăng vốn điều lệ lên 92,1 tỷ đồng. | 2010 | Cổ phiếu của công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn HOSE. |
| 2012 | Hủy niêm yết trên HOSE từ ngày 12 tháng 7 để thực hiện việc tái cơ cấu cổ đông không có vốn đầu tư nước ngoài. | 2015 | Thành lập Công ty TNHH Mekophar tại Lô I-9-5, Đường 2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Tp.HCM |
| 2016 | Công ty tăng vốn điều lệ lên 194 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. | 2017 | Cổ phiếu của công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn UPCOM. |
| 2019 | Công ty tăng vốn điều lệ lên 232 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. | 2020 | - Nhà máy sản xuất Thuốc tại Khu công nghệ cao được công nhận GMP Japan - Ngân hàng tế bào gốc Mekostem đạt chứng chỉ AABB (the American Association of Blood Banks) |
| 2021 | Công ty tăng vốn điều lệ lên 255 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. | 2025 | Hợp nhất Công ty TNHH MKP BP vào Công ty CP Hóa-Dược Phẩm Mekophar. |

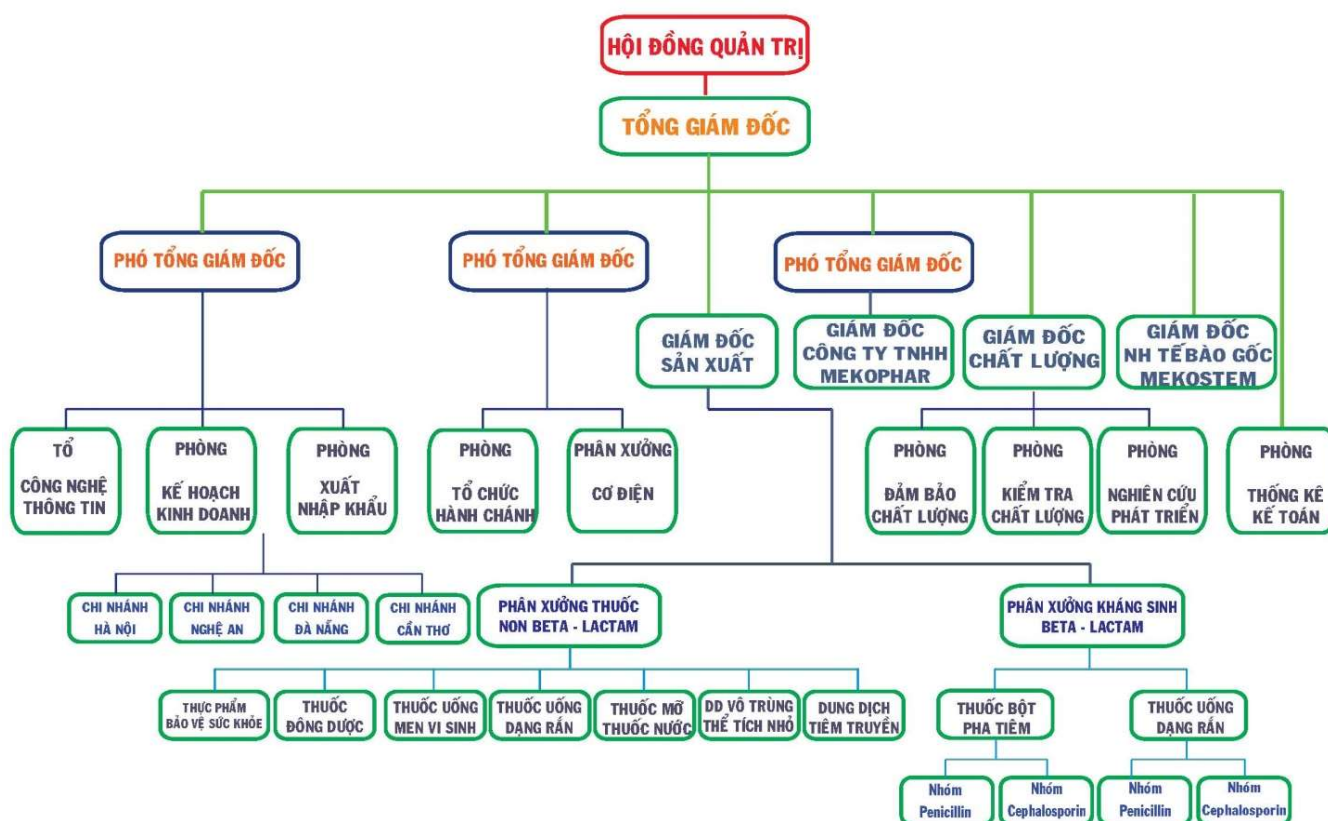
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

| | |
|--------------------------------------|--|
| <p>Ngành nghề kinh doanh:</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, hoá chất, nguyên phụ liệu cho ngành dược, dụng cụ y tế; - Hoạt động ngân hàng tế bào gốc. Tư vấn chuyển giao công nghệ; Hoạt động nghiên cứu và phát triển tế bào gốc. - Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược (chai nhựa, hộp giấy, thùng carton); - Sản xuất, mua bán hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống); - Dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng; - Cho thuê căn hộ. |
| <p>Địa bàn kinh doanh:</p> | <p>Thị trường kinh doanh chính của MKP là khu vực Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ chiếm 80.5% trên tổng sản phẩm hàng năm. Khu vực Thành phố Hà nội chiếm 7.5% và các tỉnh khác chiếm 12% trên tổng sản phẩm. Ngoài ra, còn có thị trường Xuất khẩu chiếm 2%.</p> <p>Cơ sở chính của công ty và các Chi nhánh, Hiệu thuốc:</p> <p>Phòng Kinh Doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, Tp. Hồ Chí Minh - Điện thoại: [028] 3-38650528 - E-mail: kinhdoanh@mekophar.com <p>Chi nhánh Hà Nội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: B26 và B28 - TT17 khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà nội. - Điện thoại: [024] 3 8561353-35142279 - E-mail: hanoi@mekophar.com <p>Chi nhánh Đà Nẵng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 410 Nguyễn Tri Phương, Phường Hòa Cường, Tp Đà Nẵng. - Điện thoại: [0236] 7309 039 - 3 653 179 - E-mail: danang@mekophar.com <p>Chi nhánh Cần Thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 17A Cách Mạng Tháng 8, Phường Bình Thủy, Tp Cần Thơ . - Điện thoại: [0292] 7309 039- 3825 400 - 2241 966 - E-mail: cantho@mekophar.com |

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

| | |
|---|---|
| Mô hình quản trị: | Hội đồng Quản trị của Công ty có 5 thành viên. Trong đó, Chủ tịch HĐQT kiêm chức danh Phó Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên. Ban Tổng Giám đốc gồm 3 thành viên. Trong đó có 2 Phó Tổng Giám đốc chuyên trách. |
| Mô hình quản lý, tổ chức kinh doanh: | Mô hình quản lý của Công ty với mục tiêu cuối cùng là hướng đến sự hài lòng của khách hàng thông qua việc cung ứng các sản phẩm có chất lượng tốt ra thị trường kèm theo chính sách chăm sóc khách hàng đến từng đối tượng khác nhau. Về tổ chức kinh doanh, Công ty chủ yếu phân phối thuốc thông qua hệ thống các bệnh viện trên cả nước. Ngoài ra, chiến lược sắp tới của Công ty sẽ thành lập các cửa hàng phân phối sản phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để tăng thị phần ở mảng bán lẻ. |

Sơ đồ tổ chức



5. Định hướng phát triển

- Thông qua các chủ trương, chính sách của công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám Đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Tập trung phát triển các mặt hàng mới, chủ lực và tiềm năng, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm bảo đảm thẩm mỹ, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh của thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Tăng cường hoàn thiện hồ sơ đăng ký gia hạn thuốc cũ và xin số thuốc mới.
- Tập trung các giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao lợi nhuận, như xây dựng kế hoạch tài chính, đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến, cải tiến qui trình công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí trong sản xuất
- Nhà máy tại khu công nghệ cao TP.HCM, đã đi vào hoạt động sản xuất – xuất khẩu thuốc đi Nhật và đăng ký các mặt hàng nội địa để có thể đấu thầu thuốc vào nhóm 2. Đồng thời, tiến hành triển khai khảo sát xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc uống thuộc Dịch truyền, nhóm Beta lactam ở giai đoạn 2.
- Phát triển kế hoạch hợp tác với các Công Ty Dược nước ngoài sản xuất kinh doanh các mặt hàng đòi hỏi công nghệ cao, các mặt hàng đặc trị.
- Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm sang các nước khác.
- Mở rộng hoạt động Ngân hàng Tế Bào Gốc (MekoStem) trên khắp lãnh thổ Việt Nam và đưa ra những ứng dụng mới để nâng cao doanh thu cho Mekostem. Liên kết với các Bệnh Viện xúc tiến việc thực hiện ứng dụng Tế Bào Gốc trong điều trị.

6. Rủi ro**a. Rủi ro thị trường**

- Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.
- Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.
- Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

b. Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

c. Rủi ro lãi suất

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.
- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

- Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

d. Rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

- Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

- Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

e. Rủi ro thanh khoản

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.
- Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.
- Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Dưới 1 năm | Từ 1 đến 5 năm | Tổng cộng |
|----------------------------------|------------------------|----------------|------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2025 | | | |
| Phải trả người bán | 95.867.307.933 | - | 95.867.307.933 |
| Chi phí phải trả | 9.313.695.118 | - | 9.313.695.118 |
| Phải trả khác | 11.028.456.589 | - | 11.028.456.589 |
| | 116.209.459.640 | - | 116.209.459.640 |

Ngày 01 tháng 01 năm 2025

| | | | |
|--------------------|-----------------------|----------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 62.887.287.314 | - | 62.887.287.314 |
| Chi phí phải trả | 298.117.362 | - | 298.117.362 |
| Phải trả khác | 10.859.894.578 | - | 10.859.894.578 |
| | 74.045.299.254 | - | 74.045.299.254 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025.

f. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

| | Giá gốc | | Giá trị hợp lý (*) | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2025 | 01/01/2025 | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 25.000.000.000 | 45.000.000.000 | 25.000.000.000 | 45.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 57.627.432.603 | 50.983.119.949 | 47.098.363.191 | 40.433.271.072 |
| Phải thu các bên liên quan | 31.465.295.698 | 2.225.064.788 | 31.465.295.698 | 2.225.064.788 |
| Phải thu khác | 727.951.733 | 60.000.000 | 716.598.853 | 60.000.000 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược | 10.500.000.000 | - | 10.500.000.000 | - |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | | | | |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 6.876.711.100 | 10.946.711.100 | 6.876.711.100 | 10.946.711.100 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 24.068.960.000 | 24.068.960.000 | 24.068.960.000 | 24.068.960.000 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 227.124.264.229 | 146.963.151.214 | 227.124.264.229 | 146.963.151.214 |
| | 383.390.615.363 | 280.247.007.051 | 372.850.193.071 | 269.697.158.174 |

| Giá gốc | | Giá trị hợp lý (*) | |
|------------|------------|--------------------|------------|
| 31/12/2025 | 01/01/2025 | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
| VND | VND | VND | VND |

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

| | | | | |
|--------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 95.867.307.933 | 62.887.287.314 | 95.867.307.933 | 62.887.287.314 |
| Chi phí phải trả | 9.313.695.118 | 298.117.362 | 9.313.695.118 | 298.117.362 |
| Phải trả khác | 11.028.456.589 | 10.859.894.578 | 11.028.456.589 | 10.859.894.578 |
| | 116.209.459.640 | 74.045.299.254 | 116.209.459.640 | 74.045.299.254 |

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Đặc điểm tình hình chung:

1.1. Tình hình về sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2025, ngành dược Việt Nam ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực, khẳng định vị thế là một trong những thị trường dược phẩm mới nổi phát triển nhanh nhất khu vực về tăng trưởng quy mô và hiệu quả kinh doanh; sản xuất nội địa cũng tăng cao; thu hút vốn đầu tư nước ngoài mạnh mẽ; đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa trong phân phối, tuy nhiên bên cạnh những chuyển biến tích cực vẫn còn tồn tại một số vấn đề ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành Dược trong nước:

- Phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, đây là bài toán nan giải nhất khi Việt Nam phải nhập khẩu các nguyên phụ liệu từ 80% đến 90%. Trong đó nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ khoản 85%, làm cho ngành Dược bị rủi ro khi chuỗi cung ứng toàn cầu biến động.
- Giá nguyên liệu biến động tăng từ 15% đến 80% trong các giai đoạn cao điểm, làm cho lợi nhuận của các Doanh nghiệp bị giảm sút nghiêm trọng.
- Để đáp ứng các tiêu chuẩn cao hơn như EU-GMP, doanh nghiệp phải chi hàng nghìn tỷ đồng đầu tư vào cơ sở vật chất và nghiên cứu phát triển (R&D). Những khoản đầu tư lớn này tạo áp lực tài chính trong ngắn hạn và có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh tức thời. Nhưng các doanh nghiệp ngành Dược buộc phải đầu tư cho chi phí này, để cạnh tranh trong các gói thầu vào nhóm 1.
- Việc kiểm soát về chất lượng những sản phẩm ngành dược bán trên thị trường có xu hướng giảm đã gây ảnh hưởng đến niềm tin người tiêu dùng trong nước.
- Về việc đấu thầu tại bệnh viện dù đã có thông tư mới (như Thông tư 40/2025/TT-BYT) tháo gỡ khó khăn việc cung ứng thuốc, tuy nhiên cũng do thủ tục hành chính và giá trúng thầu đôi khi không bắt kịp biến động thị trường.
- Các nguyên liệu nằm trong danh mục kiểm soát đặc biệt vẫn chưa được tháo gỡ bởi các thủ tục phức tạp theo quy định, doanh nghiệp đang đối đầu với việc ngưng trệ nhiều đơn hàng sản xuất. Do phải tuân thủ các yêu cầu điều kiện theo quy định này mà doanh nghiệp đã không thể kịp tiến độ cung cấp theo các đơn hàng xuất khẩu, các hợp đồng cung cấp cho các cơ sở khám chữa bệnh trong nước mà doanh nghiệp đã trúng thầu, dẫn tới bị phạt hợp đồng, thu hẹp quy mô sản xuất, giảm doanh số.
- Tình hình về tiến độ gia hạn số đăng ký cũng chuyển biến tích cực nhưng công ty vẫn có nhiều mặt hàng chiến lược hết số đăng ký chưa được cấp số đăng ký.
- Kế hoạch năm 2025 của đối tác NPP quá ít so với những năm trước, do đó nhà máy tại khu công nghệ cao hoạt động không hết công suất dẫn đến tình trạng lỗi ngày càng nhiều.

1.2. Về Tình hình xuất khẩu:

- Các sản phẩm từ Ấn Độ, Trung Quốc tràn lan khắp các thị trường thế giới với giá cả rất rẻ, nên dẫn tới hàng dược phẩm từ Việt Nam không thể cạnh tranh với hai quốc gia này.
- Khách hàng lớn của MKP cũng đã ngưng hoàn toàn việc mua hàng xuất khẩu cho thị trường Nga, hiện khách chỉ mua với số lượng nhỏ để xuất khẩu cho thị trường Kyrgyzstan, Uzbekistan.
- Các khách hàng truyền thống cũng giảm chỉ còn một số khách hàng mua xuất đi các thị trường như Congo, Angola, Moldova, Campuchia, Mongolia, Ukraina, Somalia nhưng sản lượng xuất khẩu không nhiều do khủng hoảng kinh tế lớn đã ảnh hưởng đến sức mua trong nước của họ dẫn tới họ đang bị tồn kho số lượng lớn vì vậy mà họ không thể đặt hàng đều đặn như các năm trước đây.
- Trong tổng lượng khách hàng tìm đến công ty có đến 40% lượng khách yêu cầu có EU - GMP hoặc PIC. Vì luật nhập khẩu dược phẩm tại đất nước của họ quy định Nhà sản xuất phải có tiêu chuẩn này thì mới cho nhập khẩu.
- Công ty đã phát triển xuất khẩu sản phẩm của Mekophar sang thị trường Afganistan, một thị trường có nhiều tiềm năng và khách hàng này đang có nhu cầu mua nhiều mặt hàng kháng sinh khác của công ty.

1.3 Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2025 | | Thực hiện 2024 | Tỷ lệ % so với Kế hoạch năm 2025 | Tỷ lệ % so với Thực hiện năm 2024 |
|----------------------|-------------|----------------|-----------|----------------|----------------------------------|-----------------------------------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | | | |
| Doanh thu | Triệu đồng | 1.100.000 | 939.045 | 906.539 | 85,37 % | 103,59 % |
| Nộp ngân sách | Triệu đồng | 60.000 | 46.183 | 59.790 | 76,97 % | 77,24 % |
| Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 55.000 | 5.744 | 53.134 | 10,44 % | 10,81 % |
| Tỷ lệ cổ tức | % | 5 | 5 | 5 | 100,00 % | 100,00 % |

Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận năm 2025 không đạt do còn rất nhiều vấn đề vẫn tồn tại đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

- Kế hoạch năm 2025 của đối tác Nipro quá ít, trong khi đó máy móc thiết bị tại nhà máy vẫn phải tuân thủ đúng quy trình của tiêu chuẩn Japan GMP.
- Về tiến độ hồ sơ đăng ký và số đăng ký được cấp nhìn chung có chuyển biến tích cực. Nhưng các số đăng ký các mặt hàng chiến lược góp phần lớn vào doanh thu vẫn chưa được cấp. Về quy định danh mục thuốc kiểm soát đặc biệt vẫn chưa được tháo gỡ. Danh sách các mặt hàng tương đương sinh học chưa được Cục quản lý Dược công bố. Công ty đã kiến nghị các cấp lãnh đạo về các khó khăn nhưng vẫn chưa được giải quyết.
- Công TNHH Mekophar (Mekophar BP) đã được sáp nhập vào công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (công ty Mekophar), tuy nhiên để việc vận hành công ty sau sáp nhập được trơn tru thì cần phải có thời gian, vì có những vấn đề còn tồn đọng tại Mekophar BP cần phải tháo gỡ và giải quyết. Do đó trong thời gian này công ty Mekophar vẫn gặp nhiều khó khăn.
- Hiện tại nhà máy 2 (Mekophar BP cũ) đến hết năm 2025 đã có 33 số đăng ký, nhưng cũng chưa sản xuất nhiều vì việc đấu thầu còn gặp nhiều khó khăn.
- Công ty đã đưa một số mặt hàng có số đăng ký của nhà máy 1 (Quận 11 cũ) lên sản xuất nhà máy 2 (Mekophar BP cũ), nhưng không nhiều, vì vậy vẫn chưa sử dụng hết công suất của máy móc thiết bị trên nhà máy 2 (Mekophar BP cũ).
- Công ty thiếu hụt nhân lực chuyên môn sâu trong lĩnh vực nghiên cứu (R&D).
- Về hoạt động tại Ngân hàng MekoStem thời gian gần đây có phần chậm lại do có sự cạnh tranh bởi nhiều ngân hàng khác.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ MÁY:

2.1. NHÀ MÁY 1 (QUẬN 11 cũ)

2.1.1. Kết quả nghiên cứu – chuyển giao sản xuất mới:

+ **Sản phẩm đang nghiên cứu:** 30 sản phẩm trong đó có

Thuốc: 27 sản phẩm

Thực phẩm: 03 sản phẩm

+ **Chuyển giao sản xuất sản phẩm mới:** 18 sản phẩm trong đó có

Thuốc: 18 sản phẩm

2.1.2. Công tác đăng ký sản phẩm mới:

+ **Được cấp số mới:** 12 sản phẩm trong đó có

Thuốc: 10 sản phẩm

Thực phẩm Bảo vệ sức khỏe: 01 sản phẩm

Mỹ phẩm: 01 sản phẩm

+ **Nộp HS Đăng kí mới:** 21 sản phẩm trong đó có

Thuốc: 16 sản phẩm
Thực phẩm Bảo vệ sức khỏe: 05 sản phẩm

2.2. NHÀ MÁY 2 (Mekophar BP cũ)

2.2.1. Kết quả nghiên cứu – chuyển giao sản xuất mới:

+ **Sản phẩm đang nghiên cứu:** 41 sản phẩm trong đó có

Thuốc: 41 sản phẩm

+ **Chuyển giao sản xuất sản phẩm mới:** 11 sản phẩm trong đó có

Thuốc: 11 sản phẩm

2.2.2. Công tác đăng ký sản phẩm mới:

+ **Được cấp số mới:** 24 sản phẩm trong đó có

Thuốc: 24 sản phẩm

+ **Nộp HS Đăng kí mới:** 33 sản phẩm trong đó có

Thuốc: 33 sản phẩm

Phòng nghiên cứu đang đẩy mạnh nghiên cứu sản phẩm mới. Tập trung nghiên cứu các sản phẩm có giá trị cao, ưu tiên sản phẩm đặc trị. Phát triển các sản phẩm Thực phẩm bảo vệ sức khỏe trong hỗ trợ điều trị chất lượng cao với nguồn nguyên liệu an toàn hiệu quả nhập khẩu từ Châu Âu, một số sản phẩm dinh dưỡng y học.

2.3, Công tác phát triển thị trường:

+ Thị trường trong nước:

- Do công tác đấu thầu không thuận lợi về cạnh tranh giá nên thị trường ETC trong nước năm nay không được phát triển tốt, nhất là sự cạnh tranh của thuốc ngoại nhập, đã làm giảm đi các kênh ETC của các Doanh nghiệp Dược Việt Nam.
- Công ty phải mở rộng thị trường OTC để đảm bảo doanh thu theo kế hoạch, bằng việc triển khai phát triển mạnh đội ngũ Trình Dược viên để cung ứng thuốc đến các Nhà Thuốc tại bệnh viện và các Nhà thuốc tư nhân trên toàn quốc.

+ Thị trường ngoài nước:

- Các khách hàng tại các nước như Congo, Angola, Moldova, Ukraine, Campuchia, Mongolia và Somaliland giảm nhiều.
- Công ty đang gia tăng sản phẩm xuất khẩu thuộc nhóm: thuốc kháng sinh, thuốc trị sốt rét, các loại vitamin, giảm đau, hạ sốt.

2.4, Công tác khác thực hiện trong năm 2025:

- Ký hợp đồng với đối tác cho thuê làm khu văn phòng, nhà hàng và khách sạn tại khu đất 281/17 -27 Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, Tp.HCM. Công ty đang cùng đối tác kiểm tra, giám sát và theo dõi công trình đảm bảo an toàn và đúng tiến độ thực hiện.
- Đã sáp nhập công ty TNHH Mekophar vào công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar.
- Đã được Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định phê duyệt gia hạn 02 khu đất 297/5 và 297/6 Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, Tp.HCM đến 31/12/2030.
- Đã được ban quản lý Khu công nghệ cao cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho giai đoạn II.
- Công ty Nipro không còn là cổ đông lớn của công ty Mekophar.

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG TẾ BÀO GỐC MEKOSTEM:

3.1 Kết quả thực hiện:

Số lượng mẫu thu thập: **486 ca** (Máu: 464 - Màng, mô: 435)

So sánh với cùng kỳ 2024 => Giảm # **43%**.

Số lượng hợp đồng ký được: **497** hợp đồng

So sánh với cùng kỳ 2024 => Giảm # **40%**.

Doanh thu: So với kế hoạch chỉ đạt 73%

So sánh với cùng kỳ 2024 => Giảm # 26 %.

3.2 Công việc thực hiện 2025:

Cập nhật phiên bản CT12 của AABB;

Làm việc để ký hợp đồng mới, đào tạo cho đội thu thập mẫu mới cũng như tái ký, tái đào tạo lại cho các Bệnh viện: Bệnh viện 199 (Bộ CA) và bệnh viện đa khoa Vĩnh Đức, bệnh viện Tâm Trí Cao Lãnh và bệnh viện Tâm Trí Đồng Tháp, Bệnh viện Phụ sản Nhi Đà Nẵng, Bệnh viện phụ sản nhi Quảng Ngãi, Bệnh viện Mekong, Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh, Bệnh viện Từ Dũ, Bệnh viện Hùng Vương, Bệnh viện Quốc Anh, Bệnh viện Phenika;

3.3 Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo ngoài đã được phê duyệt từ đầu năm cho **14** lượt nhân viên (trong đó có 07 lượt tái đào tạo an toàn thiết bị chịu áp lực, 07 lượt đào tạo về an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm y khoa, ISO 15189, Những biện pháp đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm y khoa (XNYK), Kỹ thuật y học chuyên ngành xét nghiệm, So sánh liên phòng đối với xét nghiệm hóa sinh, vi sinh, tế bào và giải phẫu bệnh). Ngoài ra gởi 5 nhân viên đi đào tạo tại viện tế bào gốc cho 2 dự án (dự án sử dụng môi trường của viện tế bào gốc và dự án Cartino);

3.4 Cùng Bệnh viện An Sinh và Bệnh viện Phục hồi chức năng thực hiện Đề tài “*Đánh giá tính an toàn và hiệu quả bước đầu của huyết tương máu dây rốn trong hỗ trợ nâng cao sức khỏe của người cao tuổi*” và đã hoàn tất thử nghiệm lâm sàng cho 11 bệnh nhân của đề tài đang phân tích dữ liệu;

Báo cáo và được thông qua Hội đồng đạo đức Bộ Y tế đề tài “*Thử nghiệm lâm sàng giai đoạn 1 đánh giá tính an toàn và hiệu quả bước đầu của liệu pháp truyền tĩnh mạch tế bào gốc trung mô từ mô dây rốn đồng loài (hUC-MS-C) trong hỗ trợ cải thiện tình trạng viêm mạn tính ở người cao tuổi*”. Đang thực hiện đề tài theo đúng tiến độ;

Hoàn thành và báo cáo đề tài “phân lập tế bào NK từ máu ngoại vi”;

Chuẩn bị cho dự án Cartino;

Thực hiện hồ sơ điện tử.

4. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026:

4.1 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2026 |
|-----------------------------------|-------------|-------------------|
| Doanh thu tổng số | Triệu đồng | 1.000.000 |
| Lãi thực hiện (trước thuế) | Triệu đồng | 35.000 |
| Tỉ lệ cổ tức | % | 5 |

4.2 Công tác phát triển sản xuất :

- Xúc tiến công tác làm hồ sơ cho một số dây chuyền đạt chuẩn EU GMP hoặc tương đương tiêu chuẩn EU GMP.
- Tiến hành hoàn thiện dây chuyền men vi sinh tại nhà máy 2 – Khu công nghệ cao
- Đầu tư thêm máy cho dây chuyền Beta Lactam tại nhà máy 1 (Quận 11 cũ).
- Tiến hành thủ tục vay vốn để xây dựng nhà máy giai đoạn II tại Khu công nghệ cao cho 2 dây chuyền: Dịch truyền và Kháng sinh.

4.3 Công tác Khoa học Công nghệ:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới, ưu tiên các sản phẩm thuốc đặc trị có dạng bào chế đặc biệt (giải phóng kéo dài, viên ODT, viên nén hòa tan..) nhóm 2, các mặt hàng kháng sinh dạng dung dịch tiêm truyền, các sản phẩm sinh phẩm (men vi sinh). Tiếp tục thực hiện nghiên cứu và tiến hành gửi mẫu nghiên cứu BE với các Viện kiểm nghiệm để thực hiện. Thực hiện chuyển giao sản xuất các mặt hàng đã được cấp số đăng ký hiệu quả.
- Kế hoạch nghiên cứu và nộp hồ sơ xin cấp số đăng ký năm 2026:
 - + Nhà máy 1 (Q11 cũ): 10 sản phẩm.
 - + Nhà máy 2 (Mekophar BP): 20 sản phẩm.

- Đầu tư nghiên cứu các sản phẩm mới chất lượng tại nhà máy Khu Công Nghệ Cao đạt tiêu chuẩn tương đương EU, nâng cao sức cạnh tranh khi hội nhập với thị trường dược phẩm thế giới. Bên cạnh đó công ty sẽ hợp tác khoa học với các đối tác lớn để chuyển giao công nghệ góp phần gia tăng sự khác biệt trong hệ sản phẩm của Mekophar, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Triển khai nghiên cứu và thực hiện việc nghiên cứu các sản phẩm đạt tương đương sinh học đối với các sản phẩm bắt buộc theo thông tư 07/2022/TT-BYT.
- Tiếp tục triển khai thực hiện dự án tăng năng suất, giảm chi phí cho các sản phẩm chủ lực.
- Đối với Ngân hàng tế bào gốc MekoStem tiếp tục tìm kiếm các giải pháp để tìm nguồn khách hàng; Hoàn thiện đồng hồ PRP máu dây rốn và ký hợp đồng hợp tác để xây dựng nghiên cứu sử dụng PRP máu dây rốn đồng hồ trong điều trị thoái hóa khớp gối và vết thương lâu liền.

4.4 Công tác tài chính kế toán:

- Triển khai công tác quyết toán, kiểm toán năm 2025 để phục vụ kịp thời báo cáo cuối năm cho Ủy ban chứng khoán và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Phối hợp các bộ phận trong công ty trong việc phát hành ESOP cho người lao động.
- Ứng dụng phần mềm ERP vào công tác hạch toán, lập và phân tích báo cáo tài chính.
- Báo cáo tài chính thực hiện đúng nội dung và thời hạn quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Quản lý và sử dụng nguồn vốn hợp lý để đáp ứng kịp thời về vốn cho sản xuất kinh doanh và có hiệu quả cao.
- Xây dựng nguồn lực kế toán có chuyên môn cao để đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng lớn của công ty.

4.5 Công tác phát triển Thị trường:

- Công ty đang tập trung xây dựng nhà máy tại khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh sản xuất ra sản phẩm đạt chất lượng cao theo chuẩn **EU-GMP** hoặc tương đương để thay thế thuốc ngoại nhập trong các gói thầu nhóm 1 và nhóm 2.
- Tăng cường xuất khẩu và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Mỹ và các nước EU.
- **Tập trung đấu thầu nhằm** tăng cường sự hiện diện các sản phẩm của công ty tại các danh mục thuốc bảo hiểm y tế thiết yếu để đảm bảo đầu ra ổn định với số lượng lớn.
- Công ty mở rộng thị phần kênh bán hàng OTC, tiếp tục phát triển việc liên kết với các công ty TNHH, các chuỗi nhà thuốc tại các thành phố và các tỉnh để tăng thị trường nội địa.
- Tăng cường tìm kiếm thị trường nội địa, ưu tiên thị trường ETC để sản xuất các mặt hàng tại nhà máy 2 – khu công nghệ cao.
- Ổn định các thị trường khách hàng lâu năm, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho khách hàng, tăng cường số đăng ký ở thị trường nước ngoài. Tiếp tục chào giá và gửi mẫu sản phẩm đi các nước để gia tăng thị trường xuất khẩu.
- Phát triển mặt hàng Đông Dược, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe.
- Tăng ngân sách marketing trực tiếp đến người tiêu dùng đối với các dòng thuốc không kê đơn và thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4.6 Công tác khác:

- Tiếp tục thực hiện thủ tục gia hạn lô đất tại 620 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Tp.HCM của công ty đã hết hạn từ năm 2020.
- Tiến hành thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại 281/63 Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, Tp.HCM khi đã có quyết định chuyển đổi mục đích của các cơ quan ban ngành.
- Tiến hành các bước của Dự án giai đoạn II, để kịp tiến độ đưa nhà máy đi vào hoạt động như Giấy chứng nhận đầu tư của Ban quản lý Khu công nghệ cao đã cấp.

- Thực hiện thủ tục công bố thông tin tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Nghị định 155/2020 của Thủ tướng Chính Phủ.
- Thực hiện phương án phát hành cổ phiếu ESOP.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐẶC ĐIỂM SẢN XUẤT KINH DOANH 2025:

a. Thuận lợi:

- Nhu cầu thiết yếu về thuốc phòng và trị bệnh cho nhân dân luôn luôn cần thiết, do đó ngành Dược vẫn có tính ổn định so với các ngành khác.
- Định hướng phát triển của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) phù hợp với xu thế phát triển của ngành.
- Chủ Tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát của HĐQT với Ban điều hành rất thuận lợi và kịp thời.
- Đội ngũ CBCNV có tư tưởng ổn định, có trình độ học vấn, tay nghề phù hợp và đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của Công ty.
- Đời sống vật chất và tinh thần của người lao động ổn định.
- Được sự quan tâm của Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược, Hiệp Hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam và các Ban Ngành, đoàn thể, các đơn vị bạn đối với việc tồn tại, phát triển của công ty Mekophar.

b. Khó khăn:

- Sự cạnh tranh của ngành Dược trong nước và ngoài nước đang diễn biến rất gay gắt, các công ty nước ngoài với tính chuyên nghiệp cao, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực phân phối đã chiếm ưu thế trong thị phần ngành Dược.
- Ngành Dược gặp khó khăn do nguyên liệu sản xuất phần lớn là nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ. Trong thời gian bùng phát đại dịch Covid trên thế giới nhất là nước Trung Quốc đã đóng cửa nhiều nhà máy dẫn đến việc cung cấp nguyên liệu không đúng tiến độ hoặc không cung cấp do đó nguyên liệu trở nên khan hiếm, giá nguyên liệu biến động tăng đột biến ảnh hưởng đến giá thành sản xuất.
- Các nguyên liệu nằm trong danh mục kiểm soát đặc biệt phải chịu các thủ tục phức tạp theo quy định, doanh nghiệp phải đối đầu với việc ngưng trệ nhiều đơn hàng sản xuất do mất thời gian xin hạn ngạch nhập khẩu các nguyên liệu nằm trong danh mục này.
- Công ty có những mặt hàng chiến lược trước kia đã từng đem lại doanh thu lớn cho công ty nhưng nay lại nằm trong danh sách thuốc kiểm soát đặc biệt nên việc sản xuất đã bị ảnh hưởng rất nhiều.
- Đứng trước những khó khăn trên, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và toàn thể CB-CNV Mekophar đã quyết tâm nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, cố gắng hoàn thành kế hoạch.
- Từ năm 2020 đến năm 2023 doanh thu và lợi nhuận chưa đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên năm 2024 dưới sự chỉ đạo của HĐQT và điều hành của Ban giám đốc, sự nỗ lực của khối kinh doanh cũng như sự cố gắng của toàn thể Cán bộ công nhân viên đã vượt kế hoạch đề ra về cả doanh thu và lợi nhuận, đây là sự khích lệ rất lớn đến toàn thể tập thể công ty Mekophar.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

a. Sản xuất kinh doanh:

Nhiệm kỳ vừa qua HĐQT công ty Mekophar đã cùng Ban Giám Đốc triển khai các giải pháp để vượt qua các khó khăn, hoàn thành các kế hoạch đã đề ra:

- Phát triển sản phẩm mang thương hiệu Mekophar với chất lượng vượt trội và giá cả hợp lý.
- Tập trung xây dựng nhóm sản phẩm chủ lực, giảm dần các sản phẩm có lợi nhuận thấp.
- Mở rộng thị trường trong nước.
- Phát triển sản phẩm OTC.
- Thực hiện tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh, thực hiện hợp lý hóa sản xuất và ứng dụng sáng kiến cải tiến trong sản xuất.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm qua như sau:

Thực hiện từ năm 2021 đến năm 2025

Đơn vị tính: triệu đồng

| Số TT | CHỈ TIÊU | Thực hiện năm 2021 | Thực hiện năm 2022 | Thực hiện năm 2023 | Thực hiện năm 2024 | Thực hiện năm 2025 |
|-------|---------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| A | B | 2 | 3 | 4 | 5 | 5 |
| 1 | Tổng doanh thu | 1.129.847 | 1.192.146 | 904.747 | 919.577 | 939.045 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | 24.269 | 64.787 | 43.314 | 53.135 | 5.744 |
| 3 | Thuế Thu nhập DN | 8.408 | 23.096 | 18.200 | 12.349 | 1.442 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 15.861 | 41.691 | 25.114 | 40.785 | 4.301 |
| 5 | Nộp ngân sách | 47.027 | 81.108 | 79.681 | 59.790 | 46.183 |
| 6 | Thu nhập bình quân | 11,7 | 13,8 | 14,2 | 14,2 | 15,1 |
| 7 | Vốn điều lệ | 255.459 | 255.459 | 255.459 | 255.459 | 255.459 |
| 8 | Cổ tức | 8% | 10% | 5% | 5% | 5% |
| 9 | Tổng số người | 674 | 667 | 661 | 648 | 627 |

b.Khoa học công nghệ:

Nghiên cứu mặt hàng mới:

Công ty đã quan tâm đến công tác nghiên cứu mặt hàng mới theo định hướng thị trường, mang tính đặc trị chuyên khoa gắn với mô hình bệnh tật.

Mỗi năm Phòng nghiên cứu đã đưa ra thị trường nhiều mặt hàng mới, chất lượng cao, mẫu mã bao bì cải tiến, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

Số mặt hàng mới đã được cấp số đăng ký mỗi năm như sau:

| Năm | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|-------------|------|------|------|------|------|
| Số mặt hàng | 1 | 5 | 12 | 18 | 21 |

Ngoài ra, bộ phận nghiên cứu còn thực hiện các nghiên cứu khác như:

- Nâng cao tuổi thọ sản phẩm.
- Cải tiến công thức, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Triển khai có hiệu quả các mặt hàng mới đã có số đăng ký.

c. Tình hình hoạt động của ngân hàng Tế Bào Gốc MekoStem:

c.1 Doanh số: (tỷ đồng)

| Năm | Thực hiện |
|------|-----------|
| 2021 | 62.260 |
| 2022 | 59.432 |
| 2023 | 64.879 |
| 2024 | 76.489 |
| 2025 | 65.447 |

c.2. Hoạt động ngân hàng Tế bào gốc MekoStem (MKS):

Doanh thu đạt 90,11 % so với kế hoạch năm và giảm 15 % so với năm 2024.

- Hoàn thành xuất sắc cho việc tái đánh giá AABB và đã nhận được 03 giấy chứng nhận: *cho hoạt động máu dây rốn: thu thập, xử lý, lưu giữ và phân phối – cho hoạt động somatic cell (MSC từ mô dây rốn): thu thập, xử lý, lưu giữ và phân phối – chất lượng nguyên liệu ban đầu cho liệu pháp sinh học*;
- Tổ chức thành công lễ kỷ niệm 15 năm thành lập MKS (2009-2024);
- Đã nhận được giấy phê duyệt cho phép thử nghiệm lâm sàng của Bộ Y tế cho đề tài “*Đánh giá tính an toàn và hiệu quả bước đầu của huyết tương máu dây rốn trong hỗ trợ nâng cao sức khỏe của người cao tuổi*”;
- Nghiên cứu việc hợp tác với 1 số đơn vị như Mescells, Cordlife, VBN;
- Đã tham dự báo cáo và tham gia gian hàng tại hội nghị Tế bào gốc Tp.HCM vào tháng 12/2024.

d. Công tác tổ chức lao động tiền lương:

| STT | DIỄN GIẢI | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|-----|--|------|------|------|------|------|
| 1 | Tổng số CBNV | 674 | 667 | 661 | 648 | 627 |
| 2 | Cán bộ đại học và trên đại học | 248 | 247 | 245 | 238 | 216 |
| 3 | Cán bộ trung cấp và cao đẳng | 146 | 144 | 142 | 145 | 135 |
| 4 | Công nhân dươc | 252 | 241 | 240 | 237 | 255 |
| 5 | Công nhân kỹ thuật cơ khí | 15 | 13 | 13 | 12 | 10 |
| 6 | Công nhân viên khác | 13 | 22 | 21 | 16 | 11 |
| 7 | Thu nhập bình quân /tháng (triệu vnd) | 11,7 | 13,8 | 14,2 | 14,2 | 15,1 |

- Số lượng CBNV năm 2025 đã giảm 3,2 % so với 2024.
- Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động.
- Lương bình quân /tháng năm 2025 đã tăng 6,3 % so với năm 2024.

e. Đầu tư phát triển:

e.1 Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO tại địa điểm Q11:

- Công ty đã đầu tư xây dựng nâng cấp nhà xưởng, hệ thống xử lý nước, hệ thống xử lý khí dùng cho sản xuất theo tiêu chuẩn GMP-WHO, hệ thống xử lý nước thải, khí thải để đạt tiêu chuẩn quốc gia, năm 2024 đã có 11 dây chuyền sản xuất được xét công nhận đạt tiêu chuẩn GMP- WHO.
- Mỗi năm Công ty đều tiếp tục đầu tư mua thêm trang thiết bị, máy móc cho các dây chuyền sản xuất và công tác kiểm tra chất lượng.
- Tổng số tiền đã đầu tư trong các năm:

ĐVT: Triệu đồng

| Các năm | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|------------------------|--------|--------|--------|-------|-------|
| Tổng số tiền đã đầu tư | 11.183 | 12.160 | 16.945 | 8.904 | 4.357 |

e.2 Nhà máy mới MKP BP tại khu công nghệ cao Thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh:

- Hoạt động kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị và hệ thống phụ trợ thực hiện đúng kế hoạch hàng năm. Kết quả đánh giá máy móc thiết bị hoạt động ổn định, sẵn sàng đáp ứng cho việc sản xuất ổn định..
- Tiến hành sản xuất các sản phẩm có số đăng ký của nhà máy MKP BP.
- Tăng cường thêm đối tác bên ngoài để chuyển giao và tiêu thụ sản phẩm mới cũng như sản phẩm của nhà máy
- Đã được cơ quan PMDA Nhật công nhận nhà máy đạt tiêu chuẩn Japan GMP đến năm 2028.

f. Khen thưởng:

Với những thành quả đạt được, Mekophar đã vinh dự được các tổ chức ghi nhận, biểu dương, và tặng danh hiệu cho những nỗ lực của tập thể CB CNVNLD như sau:

- Liên tục có thành tích xuất sắc trong triển khai, thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động trong CNVCLĐ ngành Y tế (Bằng khen của CĐ Y tế VN);
- Được khen thưởng vì nhiều năm tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến Ngành Y tế 5 năm liên tiếp giai đoạn 2016 – 2020 (Bằng khen của CĐ Y tế VN);
- Được xếp loại Công đoàn cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021 (Bằng khen của CĐ Y tế VN);
- Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2022 (Cờ thi đua của CĐ Y tế VN);
- Đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU về cuộc vận động “Người dân TP.HCM không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước” giai đoạn 2018 – 2023 (UBND Phường Phú Thọ);
- Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Dân vận khéo” năm 2023. (Giấy khen của Đảng bộ - Khối Cơ Sở Bộ Y Tế);
- Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Giải việc nước – Đảm việc nhà” năm 2023 (Cờ thi đua của CĐ Y tế VN);
- Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2024 (UBND Phường Phú Thọ);
- Đã có thành tích tiêu biểu đóng góp cho Phường Phú Thọ năm 2024 (UBND Phường Phú Thọ).

g. Hoạt động xã hội:

Hàng năm Công Ty luôn quan tâm đến công tác hoạt động xã hội:

- Quan tâm, hỗ trợ 300 suất quà cho hộ nghèo, cận nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn tại Phường Láng Tròn, Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu với tổng trị giá 150.000.000 đồng;
- Hỗ trợ chăm lo cho thanh niên thực hiện Nghĩa vụ Quân sự năm 2025 với số tiền 10.000.000 đồng tại Phường 15, Quận 11;
- Tài trợ cho các chương trình khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho đồng bào nghèo vùng sâu vùng xa;
- Tổ chức ngày hội hiến máu nhân đạo với từ 120 - 140 người tham gia hàng năm;
- Tổ chức tặng quà cho nữ CNVCLĐ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3;
- Tặng quà cho con em CNVCLĐ ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6;
- Tặng quà cho con em CNVCLĐ đạt học sinh giỏi, thành tích nổi trội, học sinh giỏi vượt khó, các cháu đậu đại học và cao đẳng;
- Nhân dịp Tháng Công nhân tặng quà cho CNVCLĐ khó khăn;
- Thăm tặng quà gia đình thương binh liệt sĩ nhân ngày 27/7;
- Tổ chức gặp mặt cựu chiến binh nhân dịp 22/12;
- Tặng quà cho CBCĐ hưu trí, cán bộ lão thành Ngành Dược nhân dịp Tết hàng năm.

3. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN NĂM 2025-2030:

a. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

| | <i>Đơn vị tính</i> | <i>Kế hoạch 2026</i> |
|----------------------------|--------------------|----------------------|
| Doanh thu | Triệu đồng | 1.000.000 |
| Lãi thực hiện (trước thuế) | Triệu đồng | 35.000 |
| Cổ tức | | 5% |

b. Công Tác Đầu Tư Phát Triển:

- Xúc tiến công tác làm hồ sơ có nhiều dây chuyền đạt tiêu chuẩn EU GMP.
- Khởi công xây dựng giai đoạn II tại khu công nghệ cao: xây dựng Dây chuyền sản xuất thuốc uống và thuốc tiêm Beta Lactam và dây chuyền dịch truyền đạt tiêu chuẩn EU GMP.

Tổng vốn đầu tư cho giai đoạn II của 02 dây chuyền trên : 900 tỷ VNĐ.

- Nhận chuyển giao công nghệ từ NPP để gia công các mặt hàng xuất khẩu sang Nhật Bản.
- Tìm kiếm các đối tác ở các nước tiên tiến có ngành công nghiệp dược phát triển và ứng dụng công nghệ cao để chuyển giao kỹ thuật hoặc nhượng quyền sản xuất.
- Đầu tư máy móc thiết bị sản xuất hiện đại để đáp ứng yêu cầu sản xuất các mặt hàng mới được chuyển giao từ đối tác với sản lượng lớn.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý toàn diện dây chuyền sản xuất và kết nối các phòng ban liên quan khác.

c. Khoa học công nghệ:

- Tiếp tục đẩy nhanh công tác nghiên cứu sản phẩm mới. Tập trung nghiên cứu các sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu điều trị chung.

Kế hoạch nghiên cứu và nộp hồ sơ xin cấp số đăng ký năm 2026: 20 sản phẩm

- Đầu tư nghiên cứu các sản phẩm mới chất lượng tại nhà máy tại quận 9 đạt tiêu chuẩn tương đương EU, nâng cao sức cạnh tranh khi hội nhập với thị trường dược phẩm thế giới. Bên cạnh đó công ty sẽ hợp tác khoa học với các đối tác lớn để chuyển giao công nghệ góp phần gia tăng sự khác biệt trong hệ thống sản phẩm của Mekophar, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Triển khai nghiên cứu và thực hiện việc nghiên cứu các sản phẩm đạt tương đương sinh học (TĐSH) đối với các sản phẩm bắt buộc theo thông tư 07/2022/TT-BYT. “*Quy định thuốc phải thử TĐSH và các yêu cầu đối với hồ sơ báo cáo số liệu nghiên cứu của TĐSH trong đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam*”.
- Tiếp tục triển khai thực hiện dự án tăng năng suất, giảm chi phí cho các sản phẩm chủ lực.
- Tiếp tục triển khai hoạt động của Ngân Hàng Tế Bào Gốc, đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng trong điều trị bệnh bằng Tế Bào Gốc máu và màng dây rốn.
- Kết hợp các bệnh viện nghiên cứu điều trị bằng Tế Bào Gốc tự thân.
- Xúc tiến việc hợp tác với Ngân hàng máu dây rốn có uy tín trên thế giới để phát triển hoạt động của MekoStem.
- Hợp tác với nước ngoài phát triển sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

d. Phát triển thị trường:

- Mở rộng thị phần kênh bán hàng OTC, tiếp tục phát triển việc liên kết với các công ty TNHH, các chuỗi nhà thuốc tại các thành phố và các tỉnh để tăng thị trường nội địa.
- Tăng cường tìm kiếm thị trường nội địa, ưu tiên thị trường ETC để sản xuất các mặt hàng tại nhà máy quận 9 có thể đầu thầu thuốc vào nhóm 2.
- Cố gắng ổn định các thị trường khách hàng lâu năm, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho khách hàng, tăng cường số đăng ký ở thị trường nước ngoài. Tiếp tục chào giá và gửi mẫu sản phẩm đi các nước để gia tăng thị trường xuất khẩu.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

IV. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:****a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị:**

- Năm 2025, Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar hoạt động theo Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ công ty, đáp ứng tốt quy định của Nhà nước về quản trị công ty đại chúng.
- Số thành viên HĐQT năm 2025 là 05 (năm) thành viên.
 1. Ông LÊ ANH PHƯƠNG Chủ Tịch HĐQT.
 2. Bà HUỖNH THỊ LAN Phó Chủ tịch HĐQT
 3. Bà PHAN THỊ LAN HƯƠNG Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc.
 4. Bà ĐẶNG THỊ KIM LAN Thành viên HĐQT.
 5. Bà NGUYỄN THỊ HẰNG Thành viên HĐQT.

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025:

- Trong năm 2025 HĐQT đã làm theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành.
- Năm 2025, HĐQT đã tiến hành 06 (sáu) phiên họp định kỳ, được tổ chức và tiến hành đúng quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty nhằm tổng kết, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh mỗi quý, trao đổi các vấn đề và định hướng kế hoạch cho quý sau, đồng thời đưa ra các quyết định kịp thời để quản trị công ty.
- Thay đổi số lượng thành viên HĐQT từ 07 thành viên còn 05 thành viên.
- Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát, Ban điều hành. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự các cuộc họp và biểu quyết, cụ thể như sau:

| ST T | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Ghi chú |
|------|-----------------------|-------------------|---------------------|-------|-------------------------------------|
| 1 | Ông Lê Anh Phương | Chủ Tịch HĐQT | 06/06 | 100% | |
| 2 | Bà Huỳnh Thị Lan | Phó Chủ Tịch HĐQT | 06/06 | 100% | |
| 3 | Bà Đặng Thị Kim Lan | Thành viên HĐQT | 06/06 | 100% | |
| 4 | Bà Phan Thị Lan Hương | Thành viên HĐQT | 06/06 | 100% | |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Hằng | Thành viên HĐQT | 02/03 | 67% | (thay thế cho bà Lữ Thị Khánh Trân) |
| 6 | Bà Lữ Thị Khánh Trân | Thành viên HĐQT | 03/03 | 100% | |

c. Các Nghị quyết HĐQT đã ban hành:

- Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 02/01/2025;
- Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/3/2025;
- Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 07/5/2025;
- Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 07/5/2025;
- Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 07/5/2025;
- Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 02/6/2025;
- Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 31/7/2025;
- Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 30/10/2025;
- Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 30/10/2025.

d. Các nội dung chính đã được Hội đồng quản trị thông qua trong năm bao gồm:

- Thông qua các tờ trình trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 trước khi trình cổ đông;

- Thông qua việc thay đổi số lượng thành viên HĐQT năm 2025;
- Thông qua báo cáo của Ban điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ và kế hoạch sản xuất kinh doanh cho kỳ tiếp theo;
- Thông qua danh sách ông, bà đảm nhiệm các chức vụ sau Đại hội đồng cổ đông;
- Thông qua tờ trình về việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan;
- Cấp lại hạn mức tín dụng ngân hàng để vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của công ty phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thông qua Tờ trình lấy kiến cổ đông bằng văn bản về việc Miễn chào mua công khai đối với giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông công ty.
- Thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động Chi nhánh Nghệ An theo đề xuất của Tổng Giám đốc tại Tờ trình ngày 25/7/2025.
- Thông qua Tờ trình chủ trương sắp xếp tinh gọn bộ máy để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Thông qua Tờ trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại 281/63 Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Thông qua Tờ trình điều chỉnh một số nội dung Giấy Chứng nhận đầu tư của Ban quản lý Khu công nghệ cao cấp lần đầu ngày 26/01/2015 và đã được thay đổi lần thứ năm ngày 21/11/2025.

2. CÔNG TÁC GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH:

a. Giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của ban Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền. Thông qua việc giám sát, đánh giá và yêu cầu Ban giám đốc báo cáo định kỳ, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Ban giám đốc đã báo cáo định kỳ tình hình sản xuất kinh doanh tại các kỳ họp HĐQT theo yêu cầu những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT nắm được tình hình hoạt động cũng như đưa ra các giải pháp, kiến nghị hỗ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban giám đốc;
- Các thành viên HĐQT tại công ty đã tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng với các lãnh đạo các phòng ban, phân xưởng để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp;
- Phối hợp với Ban điều hành tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 24/4/2025;
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động Ngân hàng tế bào gốc MekoStem;
- Đôn đốc tiến độ xây dựng dự án giai đoạn II đúng như thời gian dự kiến để đưa nhà máy đi vào hoạt động gồm dây chuyền Dịch truyền và dây chuyền Beta tại Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh đạt tiêu chuẩn EU GMP hoặc tương đương.

b. Thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2025, ngành dược Việt Nam ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực, khẳng định vị thế là một trong những thị trường dược phẩm mới nổi phát triển nhanh nhất khu vực về tăng trưởng quy mô và hiệu quả kinh doanh; sản xuất nội địa cũng tăng cao; thu hút vốn đầu tư nước ngoài mạnh mẽ; đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa trong phân phối, tuy nhiên bên cạnh những chuyển biến tích cực vẫn còn tồn tại một số vấn đề ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành Dược trong nước:

- Phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, đây là bài toán nan giải nhất khi Việt Nam phải nhập khẩu các nguyên phụ liệu từ 80% đến 90%. Trong đó nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ khoảng 85%, làm cho ngành Dược bị rủi ro khi chuỗi cung ứng toàn cầu biến động.
- Giá nguyên liệu biến động tăng từ 15% đến 80% trong các giai đoạn cao điểm, làm cho lợi nhuận của các Doanh nghiệp bị giảm sút nghiêm trọng.
- Để đáp ứng các tiêu chuẩn cao hơn như EU-GMP, doanh nghiệp phải chi hàng nghìn tỷ đồng đầu tư vào cơ sở vật chất và nghiên cứu phát triển (R&D). Những khoản đầu tư lớn này tạo áp lực tài chính trong ngắn hạn và có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh tức thời. Nhưng doanh nghiệp ngành Dược buộc phải đầu tư cho chi phí này, để cạnh tranh trong các gói thầu vào nhóm 1.
- Các nguyên liệu nằm trong danh mục kiểm soát đặc biệt vẫn chưa được tháo gỡ bởi các thủ tục phức tạp theo quy định, doanh nghiệp đang đối đầu với việc ngưng trệ nhiều đơn hàng sản xuất

MEKOPHAR - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Tình hình về tiến độ gia hạn số đăng ký cũng chuyển biến tích cực nhưng công ty vẫn có rất nhiều mặt hàng chiến lược hết số đăng ký chưa được cấp số đăng ký.
Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 đã có sự nỗ lực của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và tập thể CBNV công ty Mekophar, trước tình hình khó khăn, công ty cũng cố gắng thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, còn về doanh thu và lợi nhuận thì không đạt được chỉ tiêu mà công ty đã đề ra cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2025 | | Tỉ lệ so KH |
|----------------------|-------------|-----------|-----------|-------------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | |
| Doanh thu | Triệu đồng | 1.100.000 | 939.045 | 85,37 % |
| Nộp ngân sách | Triệu đồng | 60.000 | 46.183 | 76,97 % |
| Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 55.000 | 5.744 | 10,44 % |
| Tỷ lệ cổ tức | % | 5 | 5 | 100,00 % |

c. Kết quả thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Thực hiện chi trả cổ tức 5% năm 2024 bằng tiền mặt và được thanh toán vào ngày 16/6/2025.
- Công ty đã trích lập các Quỹ theo Nghị quyết của Đại hội.
- Thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC).

d. Thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT và Công bố thông tin:

- Hoàn thiện và ban hành Điều lệ sửa đổi trong năm 2025, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 biểu quyết thông qua.
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về công bố thông tin định kỳ: Các thông tin về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Các báo cáo tài chính: quý, bán niên và năm; Báo cáo quản trị; Báo cáo thường niên...

e. Thực hiện công tác đầu tư, tài chính:

Công tác đầu tư thiết bị:

Tổng mức đầu tư mua máy móc thiết bị mới hơn 4 tỷ đồng. Mục đích thay thế máy móc thiết bị cũ, tăng năng lực sản xuất, giảm sử dụng lao động chân tay, tăng độ chính xác của sản phẩm, giảm tỷ lệ hao hụt, cụ thể như sau:

| STT | Tháng đưa vào sử dụng | Khoản đầu tư | Giá trị đầu tư | Kết quả đạt được |
|-----------|-----------------------|--------------------------------|----------------|---|
| 1 | 05/2025 | Cụm máy lạnh nước chiller 50HP | 1.250.000.000 | Đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng tháng 05-2025 |
| 2 | 07/2025 | Máy hút ẩm khu Peni | 570.000.000 | Đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng tháng 07-2025, thay thế hệ thống cũ, giúp môi trường trong khu vực sx đạt chuẩn GMP. |
| 3 | 08/2025 | Hệ Thống HVAC Điện PANEL EPOXY | 1.886.575.851 | Đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng tháng 08-2025 |
| 4 | 12/2025 | Xe ô tô ISUZU 51L-213.62 | 651.356.717 | Đã đưa vào sử dụng tháng 12-2025 |
| TỔNG CỘNG | | | 4.357.932.568 | |

Công tác đầu tư tài chính:

Đã sáp nhập Công ty TNHH Mekophar vào Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

- Đầu tư tài chính dài hạn:

- ❖ Công ty CP Bệnh viện Tư nhân Đa khoa An Sinh : **18.518.960.000 đồng.**
- ❖ Công ty TNHH Orchids : **5.550.000.000 đồng.**

- Đầu tư tài chính ngắn hạn:

- ❖ Đầu tư chứng khoán kinh doanh như sau:

| Stt | Tên công ty | Trị giá (VNĐ) |
|-----|--------------------|----------------------|
| 1 | Công Ty CP DP OPC | 241.461.100 |
| 2 | CTy CP Bao Bì Dược | 6.635.250.000 |
| | Tổng Cộng | 6.876.711.100 |

- ❖ Tiền gửi có kỳ hạn trên 6 tháng tại ngày 31/12/2025: **207.000.000.000 đồng**

Lãi tiền gửi, trái phiếu và cổ tức nhận được trong năm 2025 là: **43.599.284.501 đồng**

g. Đánh giá chung:

- Năm 2025, HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của ban điều hành trong việc tổ chức, điều hành thực hiện các mục tiêu và kế hoạch đề ra, HĐQT đã hoàn thành trách nhiệm trên tinh thần vì công việc và sự phát triển của công ty, phối hợp với ban kiểm soát để bảo đảm các hoạt động của công ty minh bạch và hợp lý cho các hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan. Các chế độ, chính sách đối với người lao động thực hiện tốt tạo được niềm tin của người lao động đối với công ty.

3. BÁO CÁO CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025:

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar, Hội đồng quản trị báo cáo chi phí hoạt động của HĐQT Công ty như sau:

- Tổng doanh thu sản xuất chính : 927.821.428.404 đồng
- Chi phí được trích (0,3%/ Doanh thu) : 2.783.464.285 đồng
- Số thực chi : 1.272.000.000 đồng
- Chi phí thừa : 1.511.464.285 đồng

4. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026:

a. Dự báo tình hình chung:

- Năm 2026 tình hình thế giới vẫn còn nhiều biến động và sẽ ảnh hưởng đến tình hình kinh tế trong nước vì vẫn còn tình trạng lạm phát kinh tế các nước trên thế giới. Khó khăn trong lạm phát kinh tế của Việt Nam không chỉ nằm trong khó khăn chung của thế giới mà còn gắn liền với những bất cập tồn tại kéo dài của nền kinh tế Việt Nam. Ngoài ra ngành Dược Việt Nam còn chịu áp lực gia tăng của hàng rào kỹ thuật, kiểm soát chất lượng, xuất xứ hàng hóa ngày càng nghiêm ngặt hơn. Tuy nhiên năm 2026 công ty Mekophar sẽ cố gắng giải quyết một số khó khăn còn tồn đọng trong năm 2025 và sẽ mở ra nhiều hướng đi mới và giữ được sự tự tin, vượt qua các thách thức, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

b. Các chỉ tiêu kế hoạch:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2026 |
|-----------------------------------|-------------|-------------------|
| Tổng Doanh thu | Triệu đồng | 1.000.000 |
| Lãi thực hiện (trước thuế) | Triệu đồng | 35.000 |
| Tỉ lệ cổ tức | % | 5 |

c. Các hoạt động:

Hội đồng quản trị xác định chủ trương, phương hướng hoạt động vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Cố gắng tăng tốc kịp thời gian hoàn thành xong giai đoạn II đúng thời hạn như đã dự kiến tại Khu công nghệ cao Tp.HCM.
- Xây dựng cơ chế sản xuất, kinh doanh nhằm thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, tăng hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu, tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí trong sản xuất...
- Tập trung chiến lược nâng cao năng lực sản xuất tại nhà máy khu công nghệ cao với các sản phẩm chủ lực để đạt được gia tăng doanh số và lợi nhuận.
- Thông qua các chủ trương, chính sách của công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Tích cực tìm kiếm, đàm phán các đối tác ở các nước tiên tiến có ngành công nghiệp được phát triển và ứng dụng công nghệ cao để chuyển giao kỹ thuật hay nhượng quyền sản xuất.
- Tiếp tục mở rộng hoạt động Ngân hàng tế bào gốc MekoStem không chỉ trên lãnh thổ Việt Nam mà còn hợp tác với đối tác ở nước ngoài trong việc nghiên cứu sản xuất sản phẩm sinh học.
- Tiếp tục liên kết với các bệnh viện xúc tiến việc thực hiện ứng dụng tế bào gốc trong điều trị.
- Chú trọng việc đào tạo, sắp xếp, nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, đội ngũ quản lý, đội ngũ kế thừa.
- Phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

V. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT**1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT****a. Nhân sự BKS**

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030 có 03 thành viên, gồm:

- Ông Nguyễn Viết Luận: Trưởng ban, từ ngày 24/04/2025.
- Ông Nguyễn Bá Khoa: Thành viên, từ ngày 24/04/2025.
- Ông Trần Trung Ngôn: Thành viên, từ ngày 24/04/2025.

b. Hoạt động của BKS

Trong năm, ngoài các hoạt động thường xuyên và các cuộc họp thường kỳ, BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

- Giám sát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, và các nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Kiểm tra Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT.
- Giám sát tình hình đầu tư, mua sắm tài sản.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

c. Thù lao BKS

- Tổng mức thù lao BKS trong năm 2025 là 192 triệu đồng.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025

Trong năm tài chính 2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua 03 Nghị quyết gồm: 01 Nghị quyết bất thường ngày 04/02/2025 về việc sáp nhập Công ty TNHH Mekophar vào Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar, 01 Nghị quyết thường niên vào ngày 24/04/2025, và 01 Nghị quyết bất thường vào ngày 09/07/2025 về việc miễn chào mua công khai đối với giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông Công ty.

a. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025 mà Đại hội đồng cổ đông đã giao tại Nghị quyết số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025, cụ thể:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 thực hiện được 939 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 85,36% so với kế hoạch năm 2025, và đạt tỷ lệ 103,58% so với thực hiện năm 2024.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 5,74 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 10,44% so với kế hoạch năm 2025, và đạt tỷ lệ 10,81% so với cùng kỳ năm 2024.

MEKOPHAR - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Bảng 01: Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2025

Đơn vị tính: ngàn đồng

| CHỈ TIÊU | 2024 | Năm 2025 | | So sánh | |
|---------------------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------|---------------|
| | | | | TH 2025 với: | |
| | | KH 2025 | TH 2025 | 2024 | KH 2025 |
| 1. Doanh thu thuần BH và CCDV | 906.533.487 | 1.100.000.000 | 938.951.428 | 103,58% | 85,36% |
| 2. Giá vốn hàng bán | 632.938.992 | | 691.007.198 | | |
| 3. Lợi nhuận gộp BH và CCDV | 273.594.495 | | 247.944.231 | | |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 65.661.339 | | 43.897.219 | | |
| 5. Chi phí tài chính | 53.773.969 | | 30.303.500 | | |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | - | | - | | |
| 6. Lãi lỗ trong Cty liên doanh, I/kết | - | | - | | |
| 7. Chi phí bán hàng | 110.211.160 | | 119.840.600 | | |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 121.927.621 | | 137.209.769 | | |
| 9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 53.343.084 | | 4.487.581 | | |
| 10. Thu nhập khác | 466.639 | | 1.688.850 | | |
| 11. Chi phí khác | 674.937 | | 432.210 | | |
| 12. Lợi nhuận khác | (208.298) | | 1.256.641 | | |
| 13. Tổng lợi nhuận trước thuế | 53.134.786 | 55.000.000 | 5.744.221 | 10,81% | 10,44% |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2025

b. Chọn Công ty kiểm toán

Căn cứ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025, Hội đồng quản trị đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam làm đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2025 cho Công ty.

c. Chi trả cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/04/2025 đã thông qua mức chi trả cổ tức cho năm tài chính 2024 là 5,0% (*Năm phần trăm*) bằng tiền mặt. Theo đó, Hội đồng quản trị đã thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức vào ngày 06/06/2025, và thực hiện chi trả vào ngày 16/06/2025.

d. Sáp nhập Công ty TNHH Mekophar vào Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar

Căn cứ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết bất thường số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/02/2025, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã hoàn tất công tác sáp nhập Công ty TNHH Mekophar vào Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar.

e. Giao dịch chuyển nhượng cổ phần của cổ đông Công ty

Ngày 15/09/2025, Bà Huỳnh Thị Lan - Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty đã hoàn tất giao dịch mua 3.913.140 cổ phiếu từ cổ đông Nipro Pharma Corporation để nâng số lượng sở hữu từ 2.310.841 cổ phiếu (tỷ lệ 9,15%) lên 6.223.981 cổ phiếu (tỷ lệ 24,63%).

MEKOPHAR - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

3. KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH 31/12/2025

Theo ý kiến của Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 của Công ty đã thực hiện đúng theo hướng dẫn về chế độ kế toán, phù hợp với các quy định hiện hành, đồng thời phản ánh trung thực, hợp lý các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025.

a. Tình hình tài sản

Bảng 02: Tình hình tài sản 31/12/2025

Đơn vị tính: ngàn đồng

| CHỈ TIÊU | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | Tăng giảm |
|-----------------------------------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|--------------------|
| | Giá trị | % | Giá trị | % | |
| TỔNG TÀI SẢN | 1.620.137.650 | 100,00% | 1.659.284.790 | 100,00% | 39.147.140 |
| I. Tài sản ngắn hạn | 921.868.125 | 56,90% | 1.030.851.301 | 62,13% | 108.983.177 |
| 1. Tiền | 146.963.151 | 9,07% | 227.124.264 | 13,69% | 80.161.113 |
| 2. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn | 55.946.711 | 3,45% | 31.876.711 | 1,92% | -24.070.000 |
| - Chứng khoán kinh doanh | 10.946.711 | 0,68% | 6.876.711 | 0,41% | -4.070.000 |
| - Dự phòng đầu tư chứng khoán | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 |
| - Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn | 45.000.000 | 2,78% | 25.000.000 | 1,51% | -20.000.000 |
| 3. Các khoản phải thu | 57.033.454 | 3,52% | 116.331.589 | 7,01% | 59.298.135 |
| - Phải thu khách hàng | 53.208.185 | 3,28% | 57.914.728 | 3,49% | 4.706.544 |
| - Trả trước cho người bán | 14.038.678 | 0,87% | 25.763.944 | 1,55% | 11.725.266 |
| - Các khoản phải thu khác | 1.476.293 | 0,09% | 44.459.944 | 2,68% | 42.983.651 |
| - Dự phòng phải thu khó đòi | -11.689.702 | -0,72% | -11.807.028 | -0,71% | -117.326 |
| 4. Hàng tồn kho | 659.153.915 | 40,69% | 640.537.351 | 38,60% | -18.616.564 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 2.770.894 | 0,17% | 14.981.387 | 0,90% | 12.210.493 |
| - Chi phí trả trước ngắn hạn | 1.941.083 | 0,12% | 3.712.848 | 0,22% | 1.771.765 |
| - Thuế GTGT được khấu trừ | 776.594 | 0,05% | 9.604.779 | 0,58% | 8.828.184 |
| - Thuế & các khoản phải thu NN | 53.216 | 0,00% | 1.663.760 | 0,10% | 1.610.544 |
| - Tài sản ngắn hạn khác | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 |
| II. Tài sản dài hạn | 698.269.525 | 43,10% | 628.433.488 | 37,87% | -69.836.037 |
| 1. Các khoản phải thu DH | | 0,00% | | 0,00% | 0 |
| 2. Tài sản cố định | 53.483.498 | 3,30% | 602.292.259 | 36,30% | 548.808.761 |
| - TSCĐ hữu hình | 45.608.064 | 2,82% | 594.521.695 | 35,83% | 548.913.631 |
| - TSCĐ thuê tài chính | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 |

MEKOPHAR - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

| CHỈ TIÊU | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | Tăng giảm |
|-------------------------------------|--------------|---------|------------|-------|--------------|
| | Giá trị | % | Giá trị | % | |
| - TSCĐ vô hình | 7.875.434 | 0,49% | 7.770.564 | 0,47% | -104.870 |
| 3. Bất động sản đầu tư | | | | 0,00% | 0 |
| 4. Tài sản dở dang dài hạn | 2.415 | 0,00% | 80.572 | 0,00% | 78.157 |
| 5. Đầu tư tài chính dài hạn | 641.152.359 | 39,57% | 24.068.960 | 1,45% | -617.083.399 |
| - Đầu tư vào công ty con | 900.000.000 | 55,55% | 0 | 0,00% | -900.000.000 |
| - Đầu tư vào công ty LD, liên kết | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 |
| - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 24.068.960 | 1,49% | 24.068.960 | 1,45% | 0 |
| - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | -282.916.601 | -17,46% | 0 | 0,00% | 282.916.601 |
| 6. Tài sản dài hạn khác | 3.631.253 | 0,22% | 1.991.697 | 0,12% | -1.639.556 |
| - Chi phí trả trước dài hạn | 3.631.253 | 0,22% | 1.991.697 | 0,12% | -1.639.556 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2025

Tổng tài sản cuối năm 2025 tăng 39,1 tỷ đồng, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng 108,9 tỷ đồng. Cụ thể: Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 80 tỷ đồng; Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 24 tỷ đồng; Các khoản phải thu tăng 59,3 tỷ đồng; Hàng tồn kho giảm 18,6 tỷ đồng; và Tài sản ngắn hạn khác tăng 12,2 tỷ đồng.
- Tài sản dài hạn giảm 69,8 tỷ đồng. Cụ thể: Tài sản cố định tăng 548,9 tỷ đồng; Đầu tư tài chính dài hạn giảm 617, 1 tỷ đồng; và Tài sản dài hạn khác giảm 1,6 tỷ đồng. Lý do Tài sản cố định tăng mạnh và Đầu tư tài chính dài hạn giảm mạnh là do hoạt động sáp nhập Công ty TNHH Mekophar vào Mekophar.

b. Tình hình nguồn vốn

Bảng 03: Tình hình nguồn vốn 31/12/2025

Đơn vị tính: ngàn đồng

| CHỈ TIÊU | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | Tăng giảm |
|---------------------------------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|-------------------|
| | Giá trị | % | Giá trị | % | |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 1.620.137.650 | 100,00% | 1.659.284.790 | 100,00% | 39.147.140 |
| I. Nợ phải trả | 335.453.643 | 20,71% | 389.801.902 | 23,49% | 54.348.259 |
| 1. Nợ ngắn hạn | 148.605.265 | 9,17% | 187.912.799 | 11,32% | 39.307.534 |
| - Vay và nợ ngắn hạn | 0 | | 0 | 0,00% | 0 |
| - Phải trả người bán | 62.887.287 | 3,88% | 95.867.308 | 5,78% | 32.980.021 |
| - Người mua trả trước | 47.636.745 | 2,94% | 46.142.548 | 2,78% | -1.494.197 |
| - Thuế và các khoản phải nộp NN | 6.346.477 | 0,39% | 0 | 0,00% | -6.346.477 |
| - Phải trả Người lao động | 9.969.744 | 0,62% | 19.763.031 | 1,19% | 9.793.287 |

MEKOPHAR - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

| CHỈ TIÊU | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | Tăng giảm |
|--------------------------------------|----------------------|---------------|----------------------|---------------|--------------------|
| | Giá trị | % | Giá trị | % | |
| - Chi phí phải trả ngắn hạn | 298.117 | | 9.313.695 | 0,56% | 9.015.578 |
| - Phải trả nội bộ ngắn hạn | 0 | | 0 | 0,00% | 0 |
| - Phải trả theo tiến độ KHHĐXD | 0 | | 0 | 0,00% | 0 |
| - DThu chưa thực hiện ngắn hạn | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 |
| - Phải trả ngắn hạn khác | 11.008.967 | 0,68% | 11.134.652 | 0,67% | 125.686 |
| - Vay và nợ thuê TC ngắn hạn | 0 | | 0 | 0,00% | 0 |
| - Dự phòng phải trả ngắn hạn | 0 | | 0 | 0,00% | 0 |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 10.457.927 | 0,65% | 5.691.564 | 0,34% | -4.766.363 |
| 2. Nợ dài hạn | 186.848.378 | 11,53% | 201.889.103 | 12,17% | 15.040.725 |
| - Phải trả người bán dài hạn | 0 | | 0 | 0,00% | 0 |
| - Người mua trả tiền trước dài hạn | 0 | | 0 | 0,00% | 0 |
| - Chi phí phải trả dài hạn | 0 | | 0 | 0,00% | 0 |
| - Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 0 | | 0 | 0,00% | 0 |
| - Phải trả nội bộ dài hạn | 0 | | 0 | 0,00% | 0 |
| - DThu chưa thực hiện dài hạn | 186.848.378 | 11,53% | 201.889.103 | 12,17% | 15.040.725 |
| - Dự phòng phải trả dài hạn | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 |
| - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 |
| II. Nguồn vốn chủ sở hữu | 1.284.684.007 | 79,29% | 1.269.482.888 | 76,51% | -15.201.119 |
| 1. Vốn chủ sở hữu | 1.284.684.007 | 79,29% | 1.269.482.888 | 76,51% | -15.201.119 |
| - Vốn góp của chủ sở hữu | 255.458.670 | 15,77% | 255.458.670 | 15,40% | 0 |
| - Thặng dư vốn cổ phần | 409.789.114 | 25,29% | 409.789.114 | 24,70% | 0 |
| - Cổ phiếu quỹ | -14.487.151 | -0,89% | -14.487.151 | -0,87% | 0 |
| - Quỹ đầu tư phát triển | 578.599.664 | 35,71% | 581.829.844 | 35,07% | 3.230.180 |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 |
| - LNST chưa phân phối | 55.323.710 | 3,41% | 36.892.410 | 2,22% | -18.431.299 |
| 2. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 |
| - Nguồn kinh phí | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 |

MEKOPHAR - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2025

So với cùng kỳ năm 2024, Nguồn vốn năm 2025 cũng tăng tương ứng 39,1 tỷ đồng, trong đó:

- Nợ phải trả tăng 54,3 tỷ đồng. Cụ thể: Nợ ngắn hạn tăng 39,3 tỷ đồng, Nợ dài hạn tăng 15 tỷ đồng. Chủ yếu là tăng khoản Phải trả người bán 33 tỷ đồng, và tăng doanh thu chưa thực hiện dài hạn hoạt động Ngân hàng Tể bào gốc 15 tỷ đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 15,2 tỷ đồng, do giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

c. Tình hình đầu tư tại doanh nghiệp

Đầu tư tài sản cố định:

Trong năm 2025, Công ty đầu tư tăng tài sản cố định thêm 7,6 tỷ đồng. Trong đó: Máy móc thiết bị là 4,6 tỷ đồng; Phương tiện vận tải là 0,65 tỷ đồng; và Thiết bị khác là 2,4 tỷ đồng.

Hoạt động sáp nhập Công ty TNHH Mekophar vào Mekophar làm tăng nguyên giá Tài sản cố định và khấu hao Tài sản cố định tương ứng là 756,8 tỷ đồng và 190,4 tỷ đồng.

Bảng 04: Tình hình tài sản cố định 31/12/2025

Đơn vị tính: ngàn đồng

| Tình hình tăng giảm tài sản cố định | Giá trị 31/12/2024 | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Giá trị 31/12/2025 |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|---------------|--------------------|
| Tài sản cố định | 53.483.498 | 548.808.761 | 0 | 602.292.259 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 45.608.064 | 548.913.631 | 0 | 594.521.695 |
| + Nguyên giá | 282.181.109 | 764.505.049 | 5.818.613 | 1.040.867.545 |
| + Hao mòn TSCĐ hữu hình | -236.573.045 | -215.591.418 | -5.818.613 | -446.345.849 |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 7.875.434 | -104.870 | 0 | 7.770.564 |
| + Nguyên giá | 14.004.583 | 0 | 0 | 14.004.583 |
| + Hao mòn TSCĐ hữu hình | -6.129.149 | -104.870 | 0 | -6.234.019 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2025

3.1. Đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp:

Bảng 05: Tình hình đầu tư ra ngoài 31/12/2025

Đơn vị tính: ngàn đồng

| Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư tài chính | Giá trị 31/12/2024 | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Giá trị 31/12/2025 |
|--|--------------------|---------------|--------------------|--------------------|
| Đầu tư | 697.099.070 | 0 | 641.153.399 | 55.945.671 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 55.946.711 | 0 | 24.070.000 | 31.876.711 |
| a. Chứng khoán kinh doanh | 10.946.711 | 0 | 4.070.000 | 6.876.711 |
| - CTCP DPTƯ' Vidipha | 4.070.000 | 0 | 4.070.000 | 0 |
| - CTCP Bao bì Dược | 6.635.250 | 0 | 0 | 6.635.250 |
| - CTCP Dược phẩm OPC | 241.461 | 0 | 0 | 241.461 |
| b. Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng | 45.000.000 | 0 | 20.000.000 | 25.000.000 |
| - Tiền gửi Ngân hàng | 45.000.000 | 0 | 20.000.000 | 25.000.000 |
| 2. Đầu tư dài hạn | 641.152.359 | 0 | 617.083.399 | 24.068.960 |
| a. Đầu tư vào Công ty con | 900.000.000 | 0 | 900.000.000 | 0 |
| - Mekophar BP | 900.000.000 | 0 | 900.000.000 | 0 |

MEKOPHAR - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

| | | | | |
|-----------------------------------|--------------|---|--------------|------------|
| b. Đầu tư liên doanh, liên kết | 0 | 0 | 0 | 0 |
| c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 24.068.960 | 0 | 0 | 24.068.960 |
| - Bệnh viện An Sinh | 18.518.960 | 0 | 0 | 18.518.960 |
| - Công ty TNHH Orchids | 5.550.000 | 0 | 0 | 5.550.000 |
| d. Dự phòng đầu tư dài hạn | -282.916.601 | 0 | -282.916.601 | 0 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2025

Trong năm Công ty đã hoàn tất công tác sáp nhập Công ty TNHH Mekophar dẫn đến việc điều chỉnh một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán. Cụ thể là không còn số liệu tại khoản mục Đầu tư vào công ty con, và khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Tình hình doanh thu, chi phí

Doanh thu:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 939 tỷ đồng tăng 3,58% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó Doanh thu thành phẩm và Doanh thu Dịch vụ Ngân hàng tế bào gốc chiếm tỷ trọng chính trong Tổng Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ, lần lượt là 91,34% và 6,97%.

Doanh thu tài chính năm 2025 đạt 43,9 tỷ đồng (chủ yếu là lợi nhuận được chia từ Bệnh viện An Sinh và lãi tiền gửi), giảm 33,15% so với mức 65,7 tỷ đồng của năm 2024.

Bảng 07: Cơ cấu doanh thu năm 2025

Đơn vị tính: ngàn đồng

| Doanh thu | 2024 | | 2025 | | 2025/2024 |
|----------------------------|--------------------|----------------|--------------------|----------------|----------------|
| DT thuần BH và CCDV | 906.533.487 | 100,00% | 938.951.428 | 100,00% | 103,58% |
| Thành phẩm | 812.290.555 | 89,60% | 857.611.981 | 91,34% | 105,58% |
| Bán hàng hóa | 143.966 | 0,02% | 1.316.982 | 0,14% | 914,79% |
| Dịch vụ NH tế bào gốc | 76.489.041 | 8,44% | 65.447.765 | 6,97% | 85,56% |
| Bán vật tư | 6.598.658 | 0,73% | 3.444.700 | 0,37% | 52,20% |
| Cho thuê mặt bằng | 11.011.268 | 1,21% | 11.130.000 | 1,19% | 101,08% |
| DT Tài chính | 65.661.339 | | 43.897.219 | | 66,85% |
| Thu nhập khác | 466.639 | | 1.688.850 | | 361,92% |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2025

Chi phí:

Tỷ trọng Tổng các khoản mục chi phí trên Doanh thu thuần năm 2025 đạt mức 104,20%, tăng 2,84% so với mức 101,36% của năm 2024 (Bảng 08). Trong đó:

- Tỷ lệ Giá vốn hàng bán trên Doanh thu thuần năm 2025 là 73,59%, tăng 3,77% so với mức 69,82% của năm 2024. Chủ yếu là do tăng chi phí nguyên liệu, vật liệu sản xuất và chi phí nhân công.
- Chi phí bán hàng năm 2025 là 119,8 tỷ đồng, tỷ lệ 12,76% trên Doanh thu thuần, tăng 0,6% so với tỷ lệ này của năm 2024.
- Chi phí quản lý DN năm 2025 là 137,2 tỷ đồng, tỷ lệ 14,61% trên Doanh thu thuần, tăng 1,16% so với cùng kỳ năm 2024.
- Chi phí tài chính năm 2025 là 30,3 tỷ đồng, tỷ lệ trên Doanh thu thuần đạt 3,23%, giảm so với mức 53,8 tỷ đồng, tỷ lệ 5,93% Doanh thu thuần của năm 2024.

Bảng 08: Tỷ trọng các loại chi phí trên Doanh thu thuần năm 2025

Đơn vị tính: %

| Chỉ tiêu | 2024 | | 2025 | |
|--------------------|--------------------|----------------|--------------------|----------------|
| | Số tiền | % DT thuần | Số tiền | % DT thuần |
| Giá vốn hàng bán | 632.938.992 | 69,82% | 691.007.198 | 73,59% |
| Chi phí bán hàng | 110.211.160 | 12,16% | 119.840.600 | 12,76% |
| Chi phí quản lý DN | 121.927.621 | 13,45% | 137.209.769 | 14,61% |
| Chi phí tài chính | 53.773.969 | 5,93% | 30.303.500 | 3,23% |
| Tổng cộng | 918.851.742 | 101,36% | 978.361.067 | 104,20% |

Bảng 09: Tỷ trọng Giá vốn hàng bán trên Doanh thu thuần từng mảng hoạt động

Đơn vị tính: %

| Chỉ tiêu | 2024 | 2025 | 2025 - 2024 |
|-----------------------|---------------|---------------|--------------|
| Thành phẩm | 74,48% | 77,75% | 3,27% |
| Bán hàng hóa | 95,98% | 98,16% | 2,18% |
| Dịch vụ NH tế bào gốc | 30,07% | 31,91% | 1,84% |
| Bán vật tư | 73,21% | 58,82% | -14,39% |
| Cho thuê mặt bằng | 0,00% | 0,00% | 0,00% |
| Tổng GVHB/DTT | 69,82% | 73,59% | 3,77% |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2025

Các chỉ tiêu tài chính

So sánh các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm 2025 so với năm 2024, Ban kiểm soát nhận thấy:

- Khả năng thanh toán của doanh nghiệp rất tốt.
- Cơ cấu vốn nợ và vốn chủ sở hữu khá an toàn, mức độ tự chủ tài chính của Công ty luôn duy trì ở mức cao.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Vòng quay tài sản cố định giảm mạnh do công tác nhận sáp nhập Công ty TNHH Mekophar làm cho nguyên giá Tài sản cố định tăng mạnh. Các khoản phải thu năm 2025 tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm 2024 làm cho số ngày phải thu bình quân năm 2025 tăng lên 45 ngày so với mức 23 ngày của năm 2024. Số ngày tồn kho bình quân vẫn còn ở mức cao.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 chỉ đạt 4,3 tỷ đồng, giảm mạnh so với mức 40,8 tỷ đồng của năm 2024 làm cho các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2025 cũng sụt giảm mạnh so với năm 2024.

Bảng 10: Các chỉ tiêu tài chính 31/12/2025

| Chỉ tiêu | 2024 | 2025 | Ghi chú |
|---|--------|--------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 6,20 | 5,49 | lần |
| - Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 1,77 | 2,08 | lần |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số nợ/Tổng tài sản: | 0,21 | 0,23 | lần |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản: | 0,79 | 0,77 | lần |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay tổng tài sản | 0,56 | 0,57 | vòng |
| - Vòng quay tài sản cố định | 16,95 | 1,56 | vòng |
| - Vòng quay vốn lưu động | 0,98 | 0,91 | vòng |
| - Vòng quay các khoản phải thu | 15,89 | 8,07 | vòng |
| - Số ngày phải thu bình quân | 22,96 | 45,22 | ngày |
| - Vòng quay các khoản phải trả | 6,10 | 5,00 | vòng |
| - Số ngày phải trả bình quân | 59,83 | 73,05 | ngày |
| - Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/Hàng tồn kho bình quân | 1,03 | 1,06 | vòng |
| - Số ngày tồn kho bình quân | 354,31 | 343,26 | ngày |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi | | | |
| - Hệ số LNST/Doanh thu thuần | 4,50 | 0,46 | % |
| - Hệ số LNST/Tổng tài sản | 2,52 | 0,26 | % |
| - Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu | 3,17 | 0,34 | % |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 5,88 | 0,48 | % |
| 5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG:10.000đ/CP) | | | |
| - Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu | 1.358 | 170 | đồng |
| - Giá trị sổ sách một cổ phần | 50.530 | 49.933 | đồng |

(*): Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu năm 2025 nêu trên chưa được tính trừ phần Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích trong năm.

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2025

4. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

a.Kết quả giám sát đối với HĐQT

Hội đồng quản trị chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông một cách quyết liệt, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức đúng quy định. Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp, các Nghị quyết, Quyết định được thông qua với sự thống nhất cao của các thành viên, và được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty.

b.Kết quả giám sát đối với Ban TGD

Tình hình vĩ mô trong nước và quốc tế còn nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc đã luôn chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành, đã tập trung tổ chức triển khai nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Pháp luật, Điều lệ, các Quy chế quản trị trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được Ban Tổng Giám đốc nghiêm túc tuân thủ.

5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TÔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban, bộ phận chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như trong việc thu thập thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Trong kỳ Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư yêu cầu hay khiếu nại nào từ cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Công tác công bố thông tin của Công ty được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định.

6. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025 mà Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể, Doanh thu thuần đạt tỷ lệ 85,36% và Lợi nhuận trước thuế chỉ đạt khiêm tốn 10,44% so với kế hoạch năm 2025.

BKS ghi nhận sự phối hợp chặt chẽ, triển khai quyết liệt những nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thông qua của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, sự nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của toàn thể CBCNV Công ty. Tuy nhiên, qua xem xét, đánh giá, và giám sát tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2025, Ban kiểm soát xin có một số nội dung kiến nghị và lưu ý như sau:

- Tổng các khoản mục chi phí trên Doanh thu thuần năm 2025 là 104,2%, tiếp tục duy trì ở mức còn cao hơn mức 101,36% của năm 2024. Điều này cho thấy Công ty đang kinh doanh không hiệu quả. Do đó, Công ty cần tăng cường công tác quản lý chi phí, đồng thời có chiến lược để thúc đẩy gia tăng doanh thu bán hàng. Vì nếu tình trạng này kéo dài chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và dòng tiền của Công ty.
- Giá trị Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2025 là 640,5 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 659 tỷ đồng của năm 2024. Tuy vậy, Hàng tồn kho vẫn chiếm một tỷ trọng khá lớn trong Tổng tài sản (tỷ lệ 38,6%). Trong đó giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển liên quan đến nguyên liệu Molnupiravir, thành phẩm, bán thành phẩm thuốc Movinavir được chỉ định sản xuất để điều trị Covid-19, và bao bì là 326,6 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ gần 50% Tổng giá trị hàng tồn kho. Theo ghi nhận đến thời điểm hiện nay, Công ty đã trích lập dự phòng 30,3 tỷ đồng trên 326,6 tỷ đồng. Đối với giá trị còn lại rất lớn khoảng 296,3 tỷ đồng chắc chắn sẽ được Kiểm toán yêu cầu trích lập dự phòng trong thời gian sắp tới nên BKS đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cần đặc biệt lưu ý đối với khoản mục hàng tồn kho này.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Hóa – Dược Phẩm Mekophar tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Xem Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 tại các phụ lục đính kèm:

- Phụ lục 1: Bảng cân đối kế toán
- Phụ lục 2: Báo cáo kết quả kinh doanh
- Phụ lục 3: Lưu chuyển tiền tệ
- Phụ lục 4: Thuyết minh báo cáo tài chính

TP.HCM ngày 24 tháng 04 năm 2026 *ah*

X. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



K.S. Lê Anh Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Phụ lục 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| TÀI SẢN | Codes | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|------------|--------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 1.031.851.301.463 | 921.868.124.944 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 227.124.264.229 | 146.963.151.214 |
| 1. Tiền | 111 | 20.124.264.229 | 81.963.151.214 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | 207.000.000.000 | 65.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 31.876.711.100 | 55.946.711.100 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | 6.876.711.100 | 10.946.711.100 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 25.000.000.000 | 45.000.000.000 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 116.331.588.699 | 57.033.454.040 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 57.914.728.301 | 53.208.184.737 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 25.763.944.068 | 14.038.678.345 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | 0 | 0 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | 0 | 0 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 0 | 0 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 44.459.943.919 | 1.476.292.684 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | -11.807.027.589 | -11.689.701.726 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 640.537.350.817 | 659.153.915.031 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 670.880.244.678 | 689.496.808.892 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | -30.342.893.861 | -30.342.893.861 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 14.981.386.618 | 2.770.893.559 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 3.712.847.687 | 1.941.082.864 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 7.831.981.243 | 776.594.285 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 3.436.557.688 | 53.216.410 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | | | |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 628.433.488.227 | 698.269.524.945 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 0 | 0 |
| II. Tài sản cố định | 220 | 602.292.259.051 | 53.483.498.121 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 594.521.695.372 | 45.608.064.450 |
| - Nguyên giá | 222 | 1.040.867.544.798 | 282.181.109.344 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | -446.345.849.426 | -236.573.044.894 |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 0 | 0 |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 7.770.563.679 | 7.875.433.671 |
| - Nguyên giá | 228 | 14.004.583.139 | 14.004.583.139 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | -6.234.019.460 | -6.129.149.468 |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 0 | 0 |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 80.571.727 | 2.414.610 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 24.068.960.000 | 641.152.358.782 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 0 | 900.000.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 24.068.960.000 | 24.068.960.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | 1.991.697.449 | 3.631.253.432 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 1.991.697.449 | 3.631.253.432 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 1.659.284.789.690 | 1.620.137.649.889 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| NGUỒN VỐN | Mã số | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 389.801.901.836 | 335.453.642.726 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 187.912.798.591 | 148.605.264.950 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 95.867.307.933 | 62.887.287.314 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 46.142.548.075 | 47.636.745.104 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 0 | 6.346.477.406 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 19.763.031.246 | 9.969.744.259 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 9.313.695.118 | 298.117.362 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | 0 | 0 |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | 0 | 0 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 0 | 0 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 11.134.652.329 | 11.008.966.658 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 0 | 0 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 0 | 0 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 5.691.563.890 | 10.457.926.847 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | 0 | 0 |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | 0 | 0 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 201.889.103.245 | 186.848.377.776 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | 0 | 0 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | 0 | 0 |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | 0 | 0 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | 0 | 0 |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | 0 | 0 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 201.889.103.245 | 186.848.377.776 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 1.269.482.887.854 | 1.284.684.007.163 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | | | |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 1.269.482.887.854 | 1.284.684.007.163 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 255.458.670.000 | 255.458.670.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 409.789.114.458 | 409.789.114.458 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | 0 | 0 |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 0 | 0 |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | -14.487.151.158 | -14.487.151.158 |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | 0 | 0 |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | 0 | 0 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 581.829.844.305 | 578.599.664.283 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | 0 | 0 |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 0 | 0 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 0 | 0 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 32.591.059.015 | 14.538.459.309 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | 4.301.351.234 | 40.785.250.271 |
| E - LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT | 429 | 0 | 0 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 1.659.284.789.690 | 1.620.137.649.889 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Phụ lục 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU | Codes | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 939.045.100.838 | 906.539.383.047 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 93.672.434 | 5.895.680 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 938.951.428.404 | 906.533.487.367 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 691.007.197.777 | 632.938.992.151 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 247.944.230.627 | 273.594.495.216 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 43.897.219.348 | 65.661.338.650 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 30.303.499.937 | 53.773.969.199 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 0 | 0 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 119.840.600.377 | 110.211.159.544 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 137.209.768.958 | 121.927.621.138 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 4.487.580.703 | 53.343.083.985 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 1.688.849.956 | 466.639.012 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 432.209.510 | 674.937.320 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | 1.256.640.446 | -208.298.308 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 5.744.221.149 | 53.134.785.677 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 1.442.869.915 | 12.349.535.406 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 4.301.351.234 | 40.785.250.271 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 168 | 1344 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Phụ lục 3: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU | Codes | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-------|-----------------------|-----------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 5.744.221.149 | 53.134.785.677 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 0 | 0 |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT | 02 | 25.258.275.293 | 9.628.502.763 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 27.591.109.639 | 69.517.622.627 |
| - (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá | 04 | 121.778.219 | 277.877.988 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | -43.893.425.916 | -65.474.788.541 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 0 | 0 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | 0 | 0 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 08 | 14.821.958.384 | 67.084.000.514 |
| - (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu | 09 | -38.025.302.456 | -9.987.701.610 |
| - (Tăng), giảm hàng tồn kho | 10 | 18.616.564.214 | -100.747.645.470 |
| - Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả | 11 | 90.098.850.009 | 55.103.350.710 |
| - (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước | 12 | -117.889.160 | 3.506.391.954 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | 0 | 0 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | 0 | 0 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | -9.346.477.406 | -11.693.066.085 |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 0 | 0 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | -11.228.133.000 | -4.670.855.456 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 64.819.570.585 | -1.405.525.443 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | -7.747.042.301 | -8.906.240.261 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | | | |
|--|-----------|------------------------|------------------------|
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 294.141.415 | 2.495.959.596 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | -51.082.000.000 | -200.833.589.845 |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 75.152.000.000 | 185.833.589.845 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | 0 | 0 |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 0 | 0 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 11.362.398.199 | 65.183.114.073 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 27.979.497.313 | 43.772.833.408 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 0 | 0 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | 0 | 0 |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 0 | 0 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 0 | 0 |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | 0 | 0 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 0 | 0 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | -12.634.110.500 | -12.634.110.500 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | -12.634.110.500 | -12.634.110.500 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 80.164.957.398 | 29.733.197.465 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Phụ lục 4: BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (“Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2002 và thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 07 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 là 255.458.670.000 VND tương đương với 25.545.867 cổ phần; với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM - sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là MKP theo Quyết định số 1072/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017 và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 29 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ |
|-----|--|---|
| 1 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar | B26-B28-TT17 Khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam |
| 2 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar tại TP. Đà Nẵng | 410 Nguyễn Tri Phương, Phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng, Việt Nam |
| 3 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar | 17A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam |
| 4 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar - Hiệu thuốc số 1 | D9-10, 143/1 Tô Hiến Thành, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| 5 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar | Nhà số 1, Ngõ 69, Đường Yên Xuân, Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam |
| 6 | Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar tại Hà Nội | BT-2D (16B-3) - 16, Khu đô thị mới Mỗ Lao, Phường Đại Mỗ, TP. Hà Nội, Việt Nam |

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế;
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc, hoá dược và dược liệu.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 605 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 651 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng công bố vào ngày này; các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá bán ra của ngân hàng công bố vào ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0) và chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con bị suy giảm giá trị.

Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Ban Tổng Giám đốc thực hiện rà soát đối với các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính toán theo giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

| | Số năm |
|--------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 45 |
| Máy móc, thiết bị | 03 – 12 |
| Phương tiện vận tải | 05 – 10 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 04 – 10 |

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Bản quyền sử dụng tế bào gốc

Là các chi phí thực tế chi ra để có bản quyền sử dụng tế bào gốc. Bản quyền sử dụng tế bào gốc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

chỉ ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 5 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

4.13 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.15 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó. Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

| Cá nhân/ Công ty | Địa điểm | Quan hệ |
|---|----------|---------------------|
| Công ty TNHH Mekophar (không còn là bên liên quan từ 15/07/2025 do sáp nhập) | Việt Nam | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân An Sinh | Việt Nam | Bên liên quan khác |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Orchids | Việt Nam | Bên liên quan khác |
| Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần | Việt Nam | Cổ đông lớn |
| Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc | | Thành viên chủ chốt |

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt – VND | 2.611.008.748 | 3.986.531.268 |
| Tiền gửi ngân hàng – VND | 16.302.564.260 | 77.268.000.984 |
| Tiền gửi ngân hàng – USD | 1.184.759.471 | 686.088.355 |
| Tiền gửi ngân hàng – EUR | 25.931.750 | 22.530.607 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 207.000.000.000 | 65.000.000.000 |
| | 227.124.264.229 | 146.963.151.214 |

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2025:

| | Gốc ngoại tệ | Tương đương VND |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | | |
| - USD | 45.433,12 | 1.184.759.471 |
| - EUR | 854,46 | 25.931.750 |

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi tương ứng.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1. Chứng khoán kinh doanh

| | 31/12/2025 | | | 01/01/2025 | | |
|--|------------|----------|----------------|---------------|----------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Cổ phiếu | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương VIDIPHA (a) | - | - | - | 4.070.000.000 | - | 7.992.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | | | | | | |
|-----------------------------------|----------------------|---|---------------|-----------------------|---|---------------|
| Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (a) | 241.461.100 | - | 1.109.424.000 | 241.461.100 | - | 1.155.650.000 |
| Công ty Cổ phần Bao bì Dược | 6.635.250.000 | - | (*) | 6.635.250.000 | - | (*) |
| | 6.876.711.100 | - | | 10.946.711.100 | - | |

(a) Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính, do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý và sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

5.2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|--------------------|------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 | 45.000.000.000 | 45.000.000.000 |
| | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 | 45.000.000.000 | 45.000.000.000 |

Số dư tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2025 | | | | 01/01/2025 | | | |
|---|------------------------------|-----------------------|--------------|--------------------|------------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------|
| | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết % | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết % | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư vào công ty con | | | | | | | | |
| Công ty TNHH Mekophar (a) | | - | - | | 100,00 | 900.000.000.000 | (282.916.601.218) | (*) |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân An Sinh (b) | 18,34 | 18.518.960.000 | - | (*) | 18,34 | 18.518.960.000 | - | (*) |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du Lịch Orchids (c) | 15,00 | 5.550.000.000 | - | (*) | 15,00 | 5.550.000.000 | - | (*) |
| | | 24.068.960.000 | - | | | 924.068.960.000 | (282.916.601.218) | |

(a) Công ty TNHH Mekophar được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 413041000084 ngày 26 tháng 01 năm 2015 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh cấp; Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313141915 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 01 năm 2015, thay đổi lần 09 ngày 21 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Mekophar là 900.000.000.000 VND. Hoạt động chính của Công ty TNHH Mekophar là sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu.

Theo Nghị quyết số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar (Công ty Mẹ) đã thông qua chủ trương sáp nhập Công ty TNHH Mekophar vào Công ty Mẹ. Đến ngày 15 tháng 07 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc sáp nhập Công ty TNHH Mekophar vào Công ty theo hình thức sáp nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Kể từ ngày sáp nhập, Công ty TNHH Mekohopar chấm dứt tồn tại pháp lý. Toàn bộ tài sản, nợ phải trả và các quyền, nghĩa vụ liên quan được chuyển giao cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xác định đây là giao dịch giữa các đơn vị dưới quyền kiểm soát chung. Việc sáp nhập này không làm phát sinh thu nhập cho bất kỳ bên nào, cũng như không làm phát sinh bất cứ giao dịch mua bán cổ phần, phần vốn góp giữa các bên hay bất kỳ cổ đông nào của các bên, do vậy, sáp nhập không làm phát sinh bất cứ nghĩa vụ thuế do chuyển nhượng vốn cho bất kỳ bên nào. Giao dịch được ghi nhận theo giá trị ghi sổ.

(b) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân An Sinh được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302774433 ngày 25 tháng 11 năm 2002, thay đổi lần 18 ngày 05 tháng 07 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân An Sinh là 134.400.000.000 VND. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân An Sinh là hoạt động của các bệnh viện, trạm xá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (c) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Orchids được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312680625 ngày 10 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Orchids là 37.000.000.000 VND. Hoạt động chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Orchids là Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính, do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý và sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân An Sinh | 287.295.698 | 216.144.129 |
| Công ty TNHH Mekophar | - | 2.008.920.659 |
| Phải thu các khách hàng khác | | |
| Chi nhánh Khu Công nghiệp Tân Tạo (Zuellig) | 9.385.514.766 | 9.385.514.766 |
| Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (Chi nhánh Hà Nội) | 7.193.053.812 | 11.103.963.889 |
| Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (Chi nhánh Cần Thơ) | 779.613.542 | 2.929.847.786 |
| Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Anh Dũng | 11.910.581.596 | 5.119.449.720 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Y tế An Minh | 5.047.825.000 | - |
| Các khách hàng khác | 23.310.843.887 | 22.444.343.788 |
| | 57.914.728.301 | 53.208.184.737 |

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước người bán khác | | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Kim Linh Phát | 1.064.250.000 | 1.064.250.000 |
| Truking Technology Limited | 9.471.901.200 | 3.080.298.000 |
| Northeast Pharmaceutical | 5.113.840.000 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng LDH | 2.745.000.000 | - |
| Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh | 1.130.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 6.238.952.868 | 9.894.130.345 |
| | 25.763.944.068 | 14.038.678.345 |

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-----------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu các bên liên quan | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|---|-----------------------|---------------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa Khoa Tư nhân An Sinh - cổ tức phải thu | 31.178.000.000 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | | | |
| Phải thu lãi tiền gửi | 1.645.872.603 | - | 586.986.301 | - |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược | 10.500.000.000 | - | - | - |
| Các khoản bảo hiểm phải thu | 408.119.583 | - | 421.306.383 | - |
| Các khoản phải thu khác | 727.951.733 | (11.352.880) | 468.000.000 | - |
| | 44.459.943.919 | (11.352.880) | 1.476.292.684 | - |

5.6 Nợ xấu

| | 31/12/2025 | | | 01/01/2025 | | |
|--|-----------------------|----------------------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND |
| Phải thu khách hàng | | | | | | |
| Chi nhánh Khu Công nghiệp Tân Tạo (Zuellig) | 9.385.514.766 | - | (9.385.514.766) | 9.385.514.766 | - | (9.385.514.766) |
| Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2 - Chi nhánh Khu công nghiệp Tân Tạo | 762.038.533 | - | (762.038.533) | 762.038.533 | - | (762.038.533) |
| Các khách hàng khác | 981.844.398 | 600.328.285 | (381.516.113) | 554.819.068 | 152.523.490 | (402.295.578) |
| Phải thu khác | | | | | | |
| Nipro Pharma Corporation | 16.218.400 | 4.865.520 | (11.352.880) | - | - | - |
| Trả trước người bán | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Kim Linh Phát | 1.064.250.000 | - | (1.064.250.000) | 1.064.250.000 | - | (1.064.250.000) |
| Các nhà cung cấp khác | 202.355.297 | - | (202.355.297) | 76.955.297 | 1.352.448 | (75.602.849) |
| | 12.412.221.394 | 605.193.805 | (11.807.027.589) | 11.843.577.664 | 153.875.938 | (11.689.701.726) |

5.7 Hàng tồn kho

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 486.200.092.655 | - | 508.589.928.549 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.868.215.875 | - | 1.924.816.887 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 54.536.589.857 | - | 53.864.503.102 | - |
| Thành phẩm | 128.032.842.174 | (30.342.893.861) | 124.762.846.715 | (30.342.893.861) |
| Hàng hóa | 242.504.117 | - | 354.713.639 | - |
| | 670.880.244.678 | (30.342.893.861) | 689.496.808.892 | (30.342.893.861) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.8.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Thuê văn phòng | - | 72.000.000 |
| Chi phí bảo hiểm cháy nổ | 1.587.717.486 | 737.467.465 |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, phụ tùng máy móc | 2.125.130.201 | 1.131.615.399 |
| | 3.712.847.687 | 1.941.082.864 |

5.8.2. Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, phụ tùng máy móc | 1.991.697.449 | 3.631.253.432 |
| | 1.991.697.449 | 3.631.253.432 |

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|----------------------------|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 53.770.571.336 | 154.806.490.896 | 15.390.187.731 | 58.213.859.381 | 282.181.109.344 |
| Mua trong năm | - | 4.609.208.787 | 651.356.717 | 2.394.000.000 | 7.654.565.504 |
| Tăng do sáp nhập | 507.162.387.275 | 243.921.340.404 | 655.200.000 | 5.111.555.625 | 756.850.483.304 |
| Thanh lý | (2.621.857.070) | (1.795.695.635) | (1.261.060.649) | (140.000.000) | (5.818.613.354) |
| Tại ngày 31/12/2025 | 558.311.101.541 | 401.541.344.452 | 15.435.683.799 | 65.579.415.006 | 1.040.867.544.798 |

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

| | | | | | |
|----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2025 | 47.299.806.276 | 125.051.390.458 | 14.344.469.838 | 49.877.378.322 | 236.573.044.894 |
| Khấu hao trong năm | 7.020.765.146 | 15.386.455.556 | 405.913.203 | 2.340.271.396 | 25.153.405.301 |
| Tăng do sáp nhập | 71.080.262.718 | 115.771.473.575 | 305.760.000 | 3.280.516.292 | 190.438.012.585 |
| Thanh lý | (2.621.857.070) | (1.795.695.635) | (1.261.060.649) | (140.000.000) | (5.818.613.354) |
| Tại ngày 31/12/2025 | 122.778.977.070 | 254.413.623.954 | 13.795.082.392 | 55.358.166.010 | 446.345.849.426 |

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

| | | | | | |
|----------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2025 | 6.470.765.060 | 29.755.100.438 | 1.045.717.893 | 8.336.481.059 | 45.608.064.450 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 435.532.124.471 | 147.127.720.498 | 1.640.601.407 | 10.221.248.996 | 594.521.695.372 |

Công ty có tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với nguyên giá là 183.402.555.893 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 182.824.617.736 VND).

5.10 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Bản quyền, phần mềm VND | Tổng cộng VND |
|----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 7.438.152.000 | 6.566.431.139 | 14.004.583.139 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 7.438.152.000 | 6.566.431.139 | 14.004.583.139 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | Quyền sử dụng đất VND | Bản quyền, phần mềm VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------|
| GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | - | 6.129.149.468 | 6.129.149.468 |
| Khấu hao trong năm | - | 104.869.992 | 104.869.992 |
| Tại ngày 31/12/2025 | - | 6.234.019.460 | 6.234.019.460 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 7.438.152.000 | 437.281.671 | 7.875.433.671 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 7.438.152.000 | 332.411.679 | 7.770.563.679 |

Công ty có tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với nguyên giá là 6.069.101.139 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 6.069.101.139 VND).

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | | | | |
| Công ty TNHH Hóa dược Toàn Phúc | 24.700.170.527 | 24.700.170.527 | - | - |
| Công ty TNHH Hóa Dược phẩm Phương Phúc | 26.393.752.543 | 26.393.752.543 | 517.972.996 | 517.972.996 |
| Công ty TNHH Suheung Việt Nam | 4.425.590.000 | 4.425.590.000 | 3.783.996.000 | 3.783.996.000 |
| Công ty TNHH Bao bì Tân Thành | 3.462.858.172 | 3.462.858.172 | 4.815.005.322 | 4.815.005.322 |
| Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai | 3.699.864.515 | 3.699.864.515 | 14.570.358.480 | 14.570.358.480 |
| Sinobright Pharmaceutical | 11.421.241.000 | 11.421.241.000 | 2.693.075.400 | 2.693.075.400 |
| Các nhà cung cấp khác | 21.763.831.176 | 21.763.831.176 | 36.506.879.116 | 36.506.879.116 |
| | 95.867.307.933 | 95.867.307.933 | 62.887.287.314 | 62.887.287.314 |

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước của các khách hàng khác | | |
| Ngân hàng tế bào gốc | 12.038.265.690 | 16.905.349.290 |
| Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế T.N.T | 18.616.700.492 | 18.616.700.492 |
| Các khách hàng khác | 15.487.581.893 | 12.114.695.322 |
| | 46.142.548.075 | 47.636.745.104 |

5.13 Thuế và các khoản (phải thu)/ phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2025 | | Số phát sinh trong năm | | 31/12/2025 |
|--------------------------|-----------------|-----------------|------------------------|--------------------------------------|-----------------|
| | Phải nộp VND | Phải thu VND | Số phải nộp VND | Số đã nộp/ Chuyển khấu trừ VND | Phải thu VND |
| Thuế GTGT hàng nội địa | - | - | 44.213.120.735 | (44.213.120.735) | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 11.762.618.820 | (11.762.618.820) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | (52.212.709) | 186.720.422 | (240.134.355) | (105.626.642) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | 01/01/2025 | | Số phát sinh trong năm | | 31/12/2025 |
|-----------------------------|----------------------|---------------------|------------------------|-------------------------------|------------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp/ Chuyển khấu trừ | Phải thu |
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.346.477.406 | - | 1.442.869.915 | (9.346.477.406) | (1.557.130.085) |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | - | 4.123.387.373 | (4.123.387.373) | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | (1.003.701) | 16.188.537.338 | (16.188.537.338) | (1.003.701) |
| Thuế môn bài | - | - | 4.000.000 | (4.000.000) | - |
| Các loại thuế và phí khác | - | - | 243.430.536 | (243.430.536) | - |
| | 6.346.477.406 | (53.216.410) | 78.164.685.139 | (86.121.706.563) | (1.663.760.428) |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là không chịu thuế, 5%, 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|-----------------------|------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 5.744.221.149 | 53.134.785.677 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN: | | |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 33.475.765.730 | 71.368.206.687 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (972.302) | (1.576.752) |
| Thu nhập chịu thuế | 39.219.014.577 | 124.501.415.612 |
| Thu nhập được miễn thuế | (32.004.665.000) | (62.769.028.583) |
| Thu nhập tính thuế | 7.214.349.577 | 61.732.387.029 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế TNDN phải nộp | 1.442.869.915 | 12.346.477.406 |
| Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước | - | 3.058.000 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.442.869.915 | 12.349.535.406 |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất thông thường là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|----------------------|--------------------|
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Trích trước tiền thuê đất | 8.715.359.709 | - |
| Trích trước chi phí xử lý nước thải | 288.844.869 | 100.852.200 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn khác | 309.490.540 | 197.265.162 |
| | 9.313.695.118 | 298.117.362 |

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, Đảng phí | 106.195.740 | 149.072.080 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (Xí nghiệp 24) | 91.299.513 | 91.299.513 |
| Kháng sinh Liên Xô | 118.181.818 | 118.181.818 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Happy House (*) | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Các khoản phải trả khác | 818.975.258 | 650.413.247 |
| | 11.134.652.329 | 11.008.966.658 |

(*) Khoản nhận tiền theo tiến độ hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư Happy House để thực hiện dự án nhà ở xã hội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2018/HĐHT lập ngày 08 tháng 08 năm 2018.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

| | 01/01/2025 VND | Tăng do trích từ lợi nhuận VND | Tăng khác VND | Chi quỹ trong năm VND | 31/12/2025 VND |
|-----------------|-----------------------|--------------------------------------|------------------|-----------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 1.521.794.766 | 3.230.180.022 | 1.410.000 | (2.773.100.000) | 1.980.284.788 |
| Quỹ phúc lợi | 8.936.132.081 | 3.230.180.021 | - | (8.455.033.000) | 3.711.279.102 |
| | 10.457.926.847 | 6.460.360.043 | 1.410.000 | (11.228.133.000) | 5.691.563.890 |

5.16 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Doanh thu chưa thực hiện của MekoStem | 201.863.579.435 | 186.607.256.871 |
| Doanh thu chưa thực hiện của thành phẩm | 25.523.810 | 241.120.905 |
| | 201.889.103.245 | 186.848.377.776 |

5.17 Vốn chủ sở hữu**5.17.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------------|--------------------------------|-------------------------|---------------------------------|--|--------------------------|
| Tại ngày 01/01/2024 | 255.458.670.000 | 409.789.114.458 | (14.487.151.158) | 576.623.174.082 | 33.510.040.412 | 1.260.893.847.794 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 40.785.250.271 | 40.785.250.271 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | 1.976.490.201 | (1.976.490.201) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (3.952.980.402) | (3.952.980.402) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (12.634.110.500) | (12.634.110.500) |
| Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát | - | - | - | - | (408.000.000) | (408.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2024 | 255.458.670.000 | 409.789.114.458 | (14.487.151.158) | 578.599.664.283 | 55.323.709.580 | 1.284.684.007.163 |
| Tại ngày 01/01/2025 | 255.458.670.000 | 409.789.114.458 | (14.487.151.158) | 578.599.664.283 | 55.323.709.580 | 1.284.684.007.163 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | | | | | | |
|--|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 4.301.351.234 | 4.301.351.234 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | 3.230.180.022 | (3.230.180.022) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (6.460.360.043) | (6.460.360.043) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (12.634.110.500) | (12.634.110.500) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát | - | - | - | - | (408.000.000) | (408.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2025 | 255.458.670.000 | 409.789.114.458 | (14.487.151.158) | 581.829.844.305 | 36.892.410.249 | 1.269.482.887.854 |

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 255.458.670.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ bởi các cổ đông như sau:

| | 31/12/2025 | | | 01/01/2025 | | |
|--|-------------------|------------------------|---------------|-------------------|------------------------|---------------|
| | Số cổ phần | Số tiền VND | Tỷ lệ % | Số cổ phần | Số tiền VND | Tỷ lệ % |
| Huỳnh Thị Lan | 6.223.981 | 62.239.810.000 | 24,36 | 2.310.841 | 23.108.410.000 | 9,05 |
| Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần | 4.657.435 | 46.574.350.000 | 18,23 | 4.657.435 | 46.574.350.000 | 18,23 |
| Các cổ đông khác | 14.664.451 | 146.644.510.000 | 57,41 | 18.577.591 | 185.775.910.000 | 72,72 |
| | 25.545.867 | 255.458.670.000 | 100,00 | 25.545.867 | 255.458.670.000 | 100,00 |

5.17.3. Cổ phiếu

| | 31/12/2025 Cổ phiếu | 01/01/2025 Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 25.545.867 | 25.545.867 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 25.545.867 | 25.545.867 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 25.545.867 | 25.545.867 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 277.646 | 277.646 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 277.646 | 277.646 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 25.268.221 | 25.268.221 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 25.268.221 | 25.268.221 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.17.4. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức bằng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2025, với tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phiếu.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2025 như sau:

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | | |
|---|---|---------------|
| - Trích 8% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 cho quỹ đầu tư phát triển | : | 3.230.180.022 |
| - Trích 16% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 cho quỹ khen thưởng phúc lợi | : | 6.460.360.043 |

5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ**

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| | Ngoại tệ | Ngoại tệ |
| Dollar Mỹ (USD) | 45.433,12 | 27.170,74 |
| Euro (EUR) | 854,46 | 862,80 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng hóa | 1.316.982.386 | 143.965.721 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 857.705.653.658 | 812.296.450.237 |
| Doanh thu bán vật tư | 3.444.699.733 | 6.598.658.165 |
| Doanh thu cho thuê mặt bằng | 11.130.000.000 | 11.011.268.400 |
| Doanh thu dịch vụ ngân hàng tể bào gốc | 65.447.765.061 | 76.489.040.524 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| - Hàng bán trả lại | (93.672.434) | (5.895.680) |
| Doanh thu thuần | 938.951.428.404 | 906.533.487.367 |

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân An Sinh | 10.550.174.390 | 10.508.854.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Orchids | 2.850.000.000 | 2.731.268.400 |
| Công ty TNHH Mekophar | 694.326.806 | 4.461.977.328 |
| | 14.094.501.196 | 17.702.099.728 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn bán hàng hóa | 1.292.749.064 | 138.178.491 |
| Giá vốn bán thành phẩm | 666.802.772.384 | 593.732.722.800 |
| Giá vốn bán vật tư | 2.026.271.733 | 4.831.158.289 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | | | |
|------------|--|------------------------|------------------------|
| | Giá vốn dịch vụ ngân hàng tế bào gốc | 20.885.404.596 | 23.003.245.359 |
| | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | 11.233.687.212 |
| | | 691.007.197.777 | 632.938.992.151 |
| 6.3 | Doanh thu hoạt động tài chính | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
| | Lãi tiền gửi ngân hàng | 5.512.619.501 | 2.486.277.271 |
| | Lãi thanh lý khoản đầu tư | 6.082.000.000 | - |
| | Cổ tức, lợi nhuận được chia | 32.004.665.000 | 62.769.028.583 |
| | Lãi chênh lệch tỷ giá | 297.934.847 | 406.032.796 |
| | | 43.897.219.348 | 65.661.338.650 |
| 6.4 | Chi phí tài chính | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
| | Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính | 27.473.783.776 | 50.489.752.493 |
| | Lỗ chênh lệch tỷ giá | 2.707.937.942 | 3.006.338.718 |
| | Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 121.778.219 | 277.877.988 |
| | | 30.303.499.937 | 53.773.969.199 |
| 6.5 | Chi phí bán hàng | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
| | Chi phí nhân viên bán hàng | 26.633.624.013 | 24.788.149.381 |
| | Chi phí khấu hao tài sản cố định | 331.597.260 | 331.597.260 |
| | Chi phí tiếp thị | 38.923.051.988 | 36.335.441.973 |
| | Chi phí vận chuyển | 2.084.590.050 | 3.827.611.520 |
| | Chi phí dịch vụ | 51.615.895.786 | 44.651.916.348 |
| | Chi phí bán hàng khác | 251.841.280 | 276.443.062 |
| | | 119.840.600.377 | 110.211.159.544 |
| 6.6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
| | Chi phí nhân viên quản lý | 50.015.712.791 | 46.625.170.360 |
| | Chi phí đồ dùng văn phòng, vật liệu, bao bì | 16.640.766.835 | 7.284.794.814 |
| | Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10.091.431.413 | 3.681.992.744 |
| | Thuế, phí và lệ phí | 16.706.544.787 | 24.516.762.719 |
| | Chi phí dự phòng phải thu khó đòi | 36.334.660 | 7.794.182.922 |
| | Chi phí dịch vụ | 6.184.227.782 | 7.045.883.811 |
| | Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 37.534.750.690 | 24.978.833.768 |
| | | 137.209.768.958 | 121.927.621.138 |
| 6.7 | Thu nhập khác | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
| | Lãi thanh lý tài sản cố định | 294.141.415 | 222.596.687 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | | |
|---------------|----------------------|--------------------|
| Xử lý kiểm kê | 1.140.134.415 | 242.957.325 |
| Thu nhập khác | 254.574.126 | 1.085.000 |
| | 1.688.849.956 | 466.639.012 |

6.8 Chi phí khác

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Phạt vi phạm hành chính | 35.082.859 | - |
| Xử lý kiểm kê | 66.115.701 | 24.741.656 |
| Chi phí khác | 331.010.950 | 650.195.664 |
| | 432.209.510 | 674.937.320 |

6.9 Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty | 4.301.351.234 | 40.785.250.271 |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | - | (6.460.360.043) |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 4.301.351.234 | 34.324.890.228 |
| Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu) | 25.545.867 | 25.545.867 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 168 | 1.344 |

(*) Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 với số tiền là 6.460.360.043 VND. Ngoài ra, Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế năm 2025 tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 616.136.954.764 | 577.421.430.021 |
| Chi phí nhân công | 133.689.566.872 | 123.662.783.918 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 25.258.275.293 | 9.628.502.763 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 81.917.590.518 | 74.350.003.621 |
| Chi phí khác | 96.004.971.397 | 96.448.362.574 |
| | 953.007.358.844 | 881.511.082.897 |

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2025 | | | |
| Phải trả người bán | 95.867.307.933 | - | 95.867.307.933 |
| Chi phí phải trả | 9.313.695.118 | - | 9.313.695.118 |
| Phải trả khác | 11.028.456.589 | - | 11.028.456.589 |
| | 116.209.459.640 | - | 116.209.459.640 |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2025 | | | |
| Phải trả người bán | 62.887.287.314 | - | 62.887.287.314 |
| Chi phí phải trả | 298.117.362 | - | 298.117.362 |
| Phải trả khác | 10.859.894.578 | - | 10.859.894.578 |
| | 74.045.299.254 | - | 74.045.299.254 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025.

10. Giá trị hợp lý

(3) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

| | Giá gốc | | Giá trị hợp lý (*) | |
|---|-------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 25.000.000.000 | 45.000.000.000 | 25.000.000.000 | 45.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 57.627.432.603 | 50.983.119.949 | 47.098.363.191 | 40.433.271.072 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | Giá gốc | | Giá trị hợp lý (*) | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2025 | 01/01/2025 | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu các bên liên quan | 31.465.295.698 | 2.225.064.788 | 31.465.295.698 | 2.225.064.788 |
| Phải thu khác | 727.951.733 | 60.000.000 | 716.598.853 | 60.000.000 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược | 10.500.000.000 | - | 10.500.000.000 | - |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | | | | |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 6.876.711.100 | 10.946.711.100 | 6.876.711.100 | 10.946.711.100 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 24.068.960.000 | 24.068.960.000 | 24.068.960.000 | 24.068.960.000 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 227.124.264.229 | 146.963.151.214 | 227.124.264.229 | 146.963.151.214 |
| | 383.390.615.363 | 280.247.007.051 | 372.850.193.071 | 269.697.158.174 |

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

| | | | | |
|--------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 95.867.307.933 | 62.887.287.314 | 95.867.307.933 | 62.887.287.314 |
| Chi phí phải trả | 9.313.695.118 | 298.117.362 | 9.313.695.118 | 298.117.362 |
| Phải trả khác | 11.028.456.589 | 10.859.894.578 | 11.028.456.589 | 10.859.894.578 |
| | 116.209.459.640 | 74.045.299.254 | 116.209.459.640 | 74.045.299.254 |

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(4) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Năm 2025

Năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

| | VND | VND |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lương và các khoản thu nhập | | |
| Ông Lê Anh Phương | 1.596.331.298 | 1.582.214.694 |
| Bà Huỳnh Thị Lan | 2.487.392.542 | 2.388.050.957 |
| Bà Đặng Thị Kim Lan | 1.109.487.486 | 1.472.384.775 |
| Bà Phan Thị Lan Hương | 2.822.198.399 | 2.156.366.354 |
| (bổ nhiệm ngày 07/05/2025) | | |
| Ông Satoshi Kawamura | 48.000.000 | 144.000.000 |
| (miễn nhiệm ngày 24/04/2025) | | |
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh | 342.210.401 | 908.912.982 |
| (miễn nhiệm ngày 24/04/2025) | | |
| Ông Đinh Xuân Hân | - | 51.000.000 |
| Bà Lữ Thị Khánh Trân | 48.000.000 | 96.000.000 |
| (miễn nhiệm ngày 24/04/2025) | | |
| Bà Nguyễn Thị Hằng | 96.000.000 | - |
| (bổ nhiệm ngày 24/04/2025) | | |
| | 8.549.620.126 | 8.798.929.762 |

8.1.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|--------------------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Mekophar (không còn là bên liên quan từ 15/07/2025 do sáp nhập) | | | |
| | Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | 694.326.806 | 4.461.977.328 |
| | Mua hàng hóa, dịch vụ | 171.923.809 | 408.581.895 |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tự nhân An Sinh | | | |
| | Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | 10.550.174.390 | 10.508.854.000 |
| | Cổ tức được nhận | 31.178.000.000 | 62.010.802.083 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Orchids | | | |
| | Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | 2.850.000.000 | 2.731.268.400 |

Số dư với các bên liên quan:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Mekophar (không còn là bên liên quan từ 15/07/2025 do sáp nhập) | | | |
| | Phải thu khách hàng | - | 2.008.920.659 |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tự nhân An Sinh | | | |
| | Phải thu khách hàng | 287.295.698 | 216.144.129 |
| | Phải thu ngắn hạn khác | 31.178.000.000 | - |

8.2 Thông tin bộ phận

8.2.1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

| Chỉ tiêu | Doanh thu thuần VND | Giá vốn VND | Lãi gộp VND |
|------------------------------|------------------------|-----------------|-----------------|
| Hàng hóa | 1.316.982.386 | 1.292.749.064 | 24.233.322 |
| Thành phẩm | 857.611.981.224 | 666.802.772.384 | 190.809.208.840 |
| Vật tư | 3.444.699.733 | 2.026.271.733 | 1.418.428.000 |
| Cho thuê mặt bằng | 11.130.000.000 | - | 11.130.000.000 |
| Dịch vụ ngân hàng tể bào gốc | 65.447.765.061 | 20.885.404.596 | 44.562.360.465 |
| | 938.951.428.404 | 691.007.197.777 | 247.944.230.627 |

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

| Chỉ tiêu | Doanh thu thuần VND | Giá vốn VND | Lãi gộp VND |
|------------------------------|------------------------|-----------------|-----------------|
| Hàng hóa | 143.965.721 | 138.178.491 | 5.787.230 |
| Thành phẩm | 812.290.554.557 | 604.966.410.012 | 207.324.144.545 |
| Vật tư | 6.598.658.165 | 4.831.158.289 | 1.767.499.876 |
| Cho thuê mặt bằng | 11.011.268.400 | - | 11.011.268.400 |
| Dịch vụ ngân hàng tể bào gốc | 76.489.040.524 | 23.003.245.359 | 53.485.795.165 |
| | 906.533.487.367 | 632.938.992.151 | 273.594.495.216 |

8.2.2. Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, vì hoạt động đều diễn ra khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2025) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

LÊ THỊ THU HƯƠNG
Người lập biểu

PHAN ANH TÀI
Kế toán trưởng

PHAN THỊ LAN HƯƠNG
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026